

V/v: CBTT báo cáo thường niên  
năm 2019

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 04 năm 2020

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Mã chứng khoán: TDT

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02086 567 898

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Việt Thắng- Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT thực hiện Công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2019

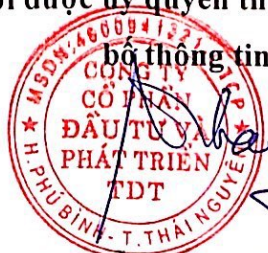
**3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: [www.tdtgroup.vn](http://www.tdtgroup.vn)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c)
- Ban Tổng GD (để b/c)
- Lưu TK, HĐQT.

Người được ủy quyền thực hiện công



NGUYỄN VIỆT THẮNG



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2019**



# MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI  
MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

## A. THÔNG TIN CHUNG

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	26
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	28
A7. Các rủi ro	32

## C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	48
C2. Tình hình tài chính	50
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	52

## B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2019

B1. Thông tin ngành	36
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	36
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	37
B4. Tổ chức và nhân sự	40
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	41
B6. Tình hình tài chính	42
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	44

## D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2019	56
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	56
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	57
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2019	58
D5. Định hướng hoạt động năm 2020	60

## E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

E1. Hội đồng quản trị	64
E2. Ban kiểm soát	64
E3. Tăng trưởng quản trị công ty	67

## G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

F1. Chính sách người lao động	70
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	72

## THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên;

Kể từ sự phục hồi vào năm 2015, kinh tế thế giới tương đối ổn định và có những dấu hiệu tích cực cho sự tăng trưởng mặc cho những bất ổn về địa chính trị. Năm 2019 khởi đầu với những tín hiệu lạc quan, tâm lý tích cực kỳ vọng vào sự tăng trưởng bùng nổ. Tuy nhiên, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung với những đòn trả đũa thương mại khiến cho tăng trưởng chậm lại; thị trường tài chính, tiền tệ thế giới tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Bên cạnh căng thẳng thương mại giữa những nền kinh tế hàng đầu thế giới, xu hướng gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ thương mại và giá năng lượng tăng mạnh tác động không nhỏ tới sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam. Trong tình hình đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước đạt 7,08%. Kiểm soát lạm phát tốt với chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 2,79%, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Tình hình thu hút đầu tư vẫn là điểm sáng trong bức tranh kinh tế, tổng vốn đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38,02 tỷ USD, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh đó, kinh tế Việt Nam cũng hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới thông qua các hiệp định thương mại tự do FTA.

Tính chung cả năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 ước đạt 516,96 tỷ USD, tăng 7,6% so với năm 2018. Trong đó, sự tăng trưởng của ngành dệt may Việt Nam đạt được sự tăng trưởng vượt xa dự báo tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt khoảng 39 tỷ USD, tăng trưởng khoảng 7,55% so với năm 2018. Hoa Kỳ và EU là hai thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất của Việt Nam. Như vậy hàng dệt may vẫn là một trong năm mặt hàng chủ lực trong xuất khẩu của Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT đã đạt được những thành công

nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2019, doanh thu thuần đạt 365 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2018; lợi nhuận sau thuế đạt 26 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2018. Những hợp đồng với khách hàng truyền thống và khách hàng mới như Pan Pacific, Asmara International, Winners Creation,... đã và sẽ mang lại nguồn thu lớn cho công ty. Trước những cơ hội và thách thức của nền kinh tế thế giới và Việt Nam trong thời gian tới, TDT quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững thông qua những giải pháp thiết thực như sau: Đầu tư nâng cao năng suất lao động, hạ chi phí lao động trên một sản phẩm. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn tạo điều kiện thu nhập và cơ hội phát triển cho mọi nhân viên. Ngoài ra công ty đã và đang triển khai thực hiện các kế hoạch mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư vào công nghệ vừa đáp ứng được nhu cầu sản xuất vừa thân thiện với môi trường. Mục tiêu lớn nhất của TDT là đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của các bên liên quan như đối tác, khách hàng, người lao động và lợi ích xã hội. Đích đến mà công ty hướng tới hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Ban lãnh đạo công ty cam kết luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty liên tục tăng trưởng, tạo dựng vị thế và xây dựng uy tín trên thị trường Việt Nam và thế giới.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã theo dõi và đồng hành cùng Công ty trong suốt tiến trình gây dựng và trưởng thành. Cùng nhau, chúng ta hãy tạo nên một tập thể đoàn kết, lớn mạnh, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT

CHU THUYỀN

## TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### TẦM NHÌN

TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đẳng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.



### SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên cho mọi thành viên của TDT. Hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng; minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật.



### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

UY TÍN: Luôn chuẩn bị đầy đủ năng lực thực thi và nỗ lực hết mình để đảm bảo đúng cam kết.

ĐOÀN KẾT: Luôn đề cao tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên của TDT.

CHIA SẺ: Chia sẻ lợi ích hài hòa với các đối tác, cổ đông và người lao động.



## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2019/2018
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	146,53	216,58	285,54	365,00	28%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	110,89	170,87	224,81	285,52	26%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	35,64	45,71	60,73	80,48	32%
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	21,50	25,84	32,98	44,07	34%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	7,07	13,37	22,06	30,77	39%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-7,06	-6,05	-5,69	-5,63	0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	0,43	0,22	0,49	0,77	55%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,50	13,58	22,55	31,5	40%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,33	12,42	20,63	26,1	27%
<b>Bảng cân đối kế toán</b>						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	173,48	209,18	250,18	340,80	36%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	54,01	94,31	105,33	155,02	47%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	43,56	80,15	80,15	116,2	45%
<b>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	0,00%	13,1%	19,59%	20,10%	
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	0,00%	5,94%	8,25%	8,90%	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	1.529	2.449	2.574	3.219	25%
Cổ tức	%			15%	15%	

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT





## A. THÔNG TIN CHUNG

---

A1. Thông tin khái quát	10
A2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
A3. Mô hình quản trị	16
A4. Ban lãnh đạo	20
A5. Phân tích SWOT	26
A6. Vị thế của Công ty trong ngành	28
A7. Các rủi ro	32



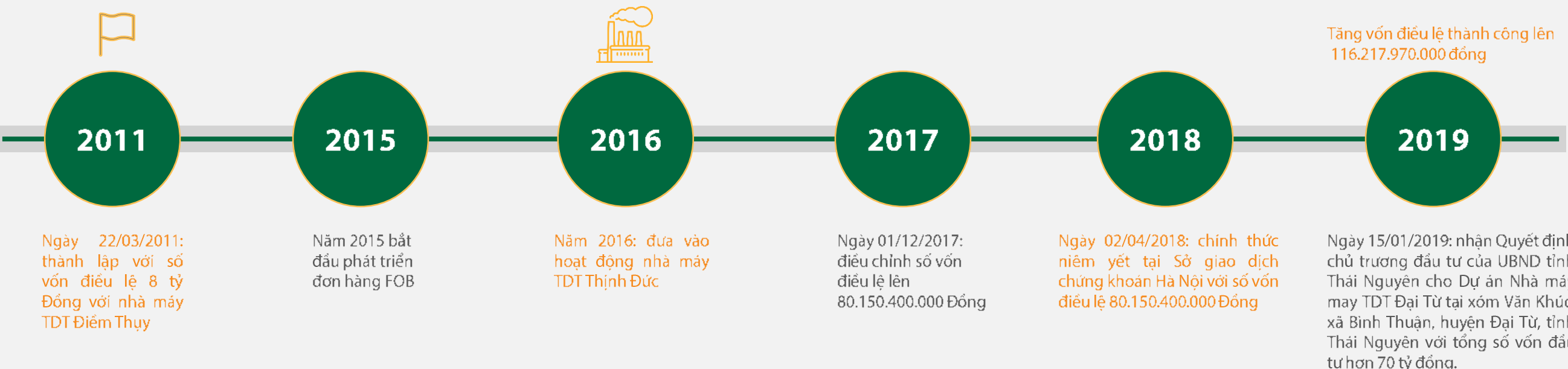
## A1. THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT	Địa chỉ	Xã Diêm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Giấy chứng nhận ĐKDN	4600941221	Số điện thoại	0208 656 7898
Vốn điều lệ	116.217.970.000 đồng	Số fax	0208 356 9898
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	116.217.970.000 đồng	Website	<a href="http://www.tdtgroup.vn">http://www.tdtgroup.vn</a>
Mã cổ phiếu	TDT	Slogan	Đoàn kết & Phát triển

## A1. THÔNG TIN CHUNG

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



## CÁC SỰ KIỆN, GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT TRONG NĂM

Ban giám đốc và BCH công đoàn Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT đã long trọng tổ chức Hội nghị Người lao động năm 2019.



Dự án Xí nghiệp may TDT Đại Từ được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt theo Quyết định chủ trương đầu tư số 105/QĐ – UBND.



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã long trọng Tổ chức Hội nghị sơ kết công tác sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019.





## A2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



### Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

TDT là một thành viên của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tổ chức xã hội – nghề nghiệp được thành lập năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng của các tổ chức, cá nhân của mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu, tiêu thụ, dịch vụ thuộc chuyên ngành kinh tế - kỹ thuật dệt may Việt Nam.

Với hoạt động kinh doanh chủ yếu thuộc phân khúc gia công xuất khẩu, TDT hiện tập trung vào hai phương thức sản xuất chính là: CMT và FOB.

CMT - Cut, Make, Trim, là quy trình gia công bao gồm các công đoạn:

- Cut: Cắt vải từ cuộn vải theo rập thiết kế sẵn từ phía khách hàng.
- Make: May, khâu, vá lại với vải với nhau thành sản phẩm hoàn chỉnh.
- Trim: Cắt chỉ và làm sạch chỉ khỏi quần áo sau khi khâu. Thực hiện kiểm tra, hoàn thiện sản phẩm, đóng gói hàng thành phẩm theo yêu cầu.

FOB - Free On Board: DN sản xuất nhận đơn đặt hàng may mặc sử dụng nguồn nguyên liệu và tài sản của mình, từ nguồn hàng, máy móc, chi phí, nhân công, v.v. để hoàn thành đơn hàng được đặt may và đưa hàng ra ngoài cảng

Mảng kinh doanh FOB được đưa vào kinh doanh từ năm 2015. Theo đó, các đơn hàng được đưa đi gia công tại các nhà máy vệ tinh của TDT tại Thái Nguyên và các tỉnh khác.

Trong vòng 4 năm, giá trị của các đơn hàng FOB tăng khoảng 13 lần, từ 14,6 tỷ đồng năm 2015 lên 203 tỷ đồng năm 2019. Với giá trị gia tăng đem lại cho TDT và khách hàng cao, mảng FOB giúp doanh thu của TDT tăng trưởng từ 25-35% doanh thu và lợi nhuận.

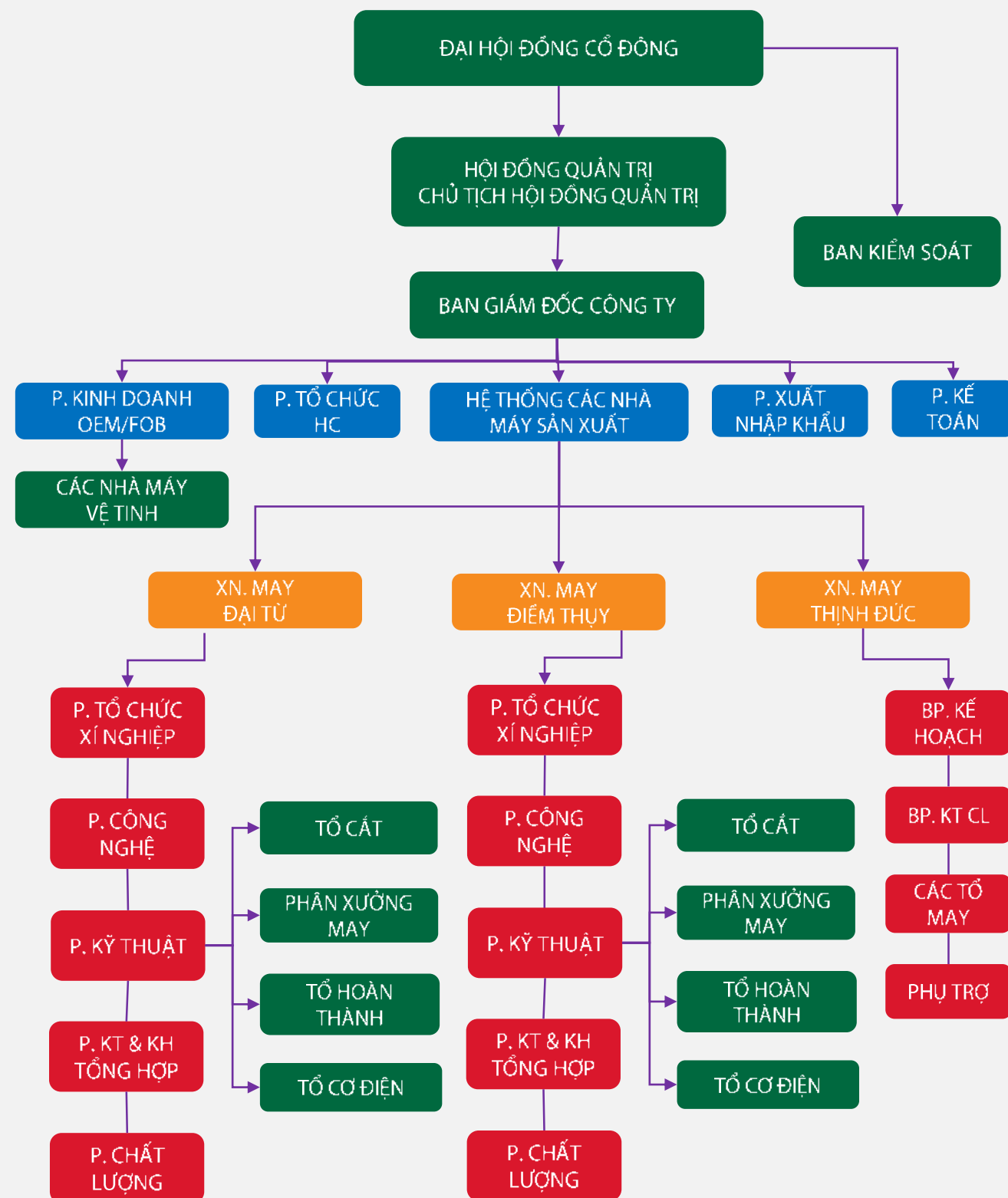
Trong thời gian tới, TDT dự kiến tiếp tục tập trung các nguồn lực để phát triển mô hình FOB đem lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

### Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của TDT được phân phối rộng rãi trên thị trường trong nước và đặc biệt là thị trường quốc tế. Trong đó, Mỹ và EU là hai thị trường xuất khẩu truyền thống của TDT. Trong thời gian tới, Công ty có định hướng phát triển thị trường Nhật Bản, hiện đang là thị trường xuất khẩu hàng dệt may đứng thứ 3 của Việt Nam. Hiện nay, TDT có ba nhà máy đang hoạt động TDT Điểm Thủy, TDT Thịnh Đức và TDT Đại Từ (TDT Đại Từ bắt đầu hoạt động từ Q4.2019)



## A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



## A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty; Báo cáo của Hội đồng Quản trị; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nhiệm vụ sau: Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### Ban Tổng giám đốc

Bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, thực hiện các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

### Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau: Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### Ban kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## A3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### Phòng kinh doanh OEM/FOB

- Phát triển khách hàng OEM/FOB;
- Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý đơn hàng OEM/FOB. Từng bước nâng cao trình độ quản lý đơn hàng OEM/FOB ngày càng chuyên nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng giá trị ngành may;
- Nắm bắt xu hướng phát triển của ngành may trên bình diện quốc tế để có những chiến lược và bước phát triển phù hợp;
- Theo dõi sát sao sự chuyển dịch của ngành may theo thời gian để có những quyết định chính xác về khách hàng và ngành hàng phù hợp cho Công ty;
- Xây dựng kế hoạch khách hàng, doanh thu cho từng năm;
- Hỗ trợ Công ty trong công tác xúc tiến thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu Công ty;
- Quản lý toàn bộ các đơn hàng OEM/ FOB và các đơn hàng sản xuất tại nhà máy vệ tinh.

### Phòng Xuất nhập khẩu

- Tham mưu giúp Ban giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;
- Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo xuất nhập khẩu hàng hóa chính xác, nhanh, phục vụ kịp thời cho sản xuất;
- Quản lý chặt chẽ các chi phí xuất nhập khẩu, vận tải, tìm các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải có chất lượng và giá cả cạnh tranh;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### Phòng Tổ chức hành chính:

- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, bộ máy, sắp xếp và sử dụng nguồn nhân lực của Công ty;
- Tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và nâng bậc lương, theo dõi công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ lý lịch, thẩm tra và bổ sung lý lịch hàng năm, thống kê số lượng và chất lượng lao động; Xây dựng quy trình đánh giá xếp loại người lao động; xây dựng các nội quy, quy chế, điều lệ công ty và các văn bản, tài liệu khác phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- Quản lý trang thiết bị, tài sản, công cụ lao động, phương tiện làm việc tại khu vực trụ sở văn phòng Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về chính sách trả lương và đãi ngộ đối với người lao động; Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách lao động cho người lao động;
- Quản lý công tác lễ tân, tiếp khách, văn thư, lưu trữ, con dấu;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### Phòng Kế toán:

- Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán;
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật;
- Lập báo cáo hợp nhất từ các công ty con và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Ban lãnh đạo Công ty;
- Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho Công ty trong từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### Hệ thống các xí nghiệp sản xuất:

#### Xí nghiệp May Điểm Thuy, Chi nhánh may TDT Đại Từ

- Phòng Kỹ thuật
  - Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận;
  - Đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng. Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất;
  - Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công; Tổ chức hợp với các bộ phận. Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
  - Phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, các phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Tổ cơ điện.
- Phòng Kế hoạch sản xuất
  - Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng; phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định; chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng;
  - Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất; hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ, các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt;
  - Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm.
- Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu
  - Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho ban điều hành công ty;

- Thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu để xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới;
- Giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm.

- Phòng Công nghệ
  - Tham mưu cho ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất;
  - Theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong công ty. Nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới;
- Quản lý các bộ phận trực thuộc: Kỹ thuật chuyển, Ke gá, Mẫu dấu.
- Phòng Quản lý chất lượng
  - Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty;
  - Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong quá trình sản xuất. Tổ chức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất;
  - Đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa; Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công;
  - Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ.

#### Xí nghiệp May Thịnh Đức

- Bộ phận Kế hoạch: xây dựng kế hoạch nhận đơn hàng để phân bổ đến từng bộ phận.
- Bộ phận Kiểm tra chất lượng: chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm của toàn bộ xí nghiệp.
- Các tổ may: vận hành các khâu may, lắp ráp sản phẩm.
- Phụ trợ: hỗ trợ các dây chuyền, tổ may trong các giai đoạn của sản phẩm.

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần 2019
1	Chu Thuyền	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	15,78%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	8,6%
3	Đặng Đình Vụ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	0,89%
4	Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	2%
5	Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập	0,25%
6	Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập	0%
7	Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập	0,08%

A4. BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

Ông CHU THUYỀN

Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc

Sinh năm: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.834.250 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 15,78%)

Quá trình công tác

- 2002 - 10/2014: Trưởng nhóm Vật tư – XNK - Phòng kế hoạch vật tư công ty May Thái nguyên  
- 10/2004 - 08/2007: GD XN Vật tư vận tải - CTCP đầu tư và Thương mại TNG  
- 08/2007 - 03/2011: GD TT thời trang TNG - CTCP Đầu tư và Thương mại TNG  
- 03/2011: Cùng với các CĐ khác, ông Chu Thuyền sáng lập và giữ vai trò Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển TDT  
- 11/ 2016 – nay: Bên cạnh vị trí Chủ tịch HĐQT, ông Chu Thuyền đã đảm nhiệm thêm vị trí TGD góp phần đóng góp kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may của mình vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.000.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 8.6%)

Quá trình công tác

- 1995-12/2004: Trưởng đại diện hãng tàu OOCL tại Hà Nội tại Công ty Liên doanh vận tải biển Việt Pháp (Gematrans)  
- 01/2005 - 03/2011: TVHĐQT - Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG  
- 03/2011 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT



## A4. BAN LÃNH ĐẠO

### Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc



#### **Ông ĐẶNG ĐÌNH VŨ**

**Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**

**Sinh năm:** 1961

**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp cơ điện

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 103.500 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,89%)

#### **Quá trình công tác**

- 1982 - 12/2005: Công nhân cơ điện tại Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2006 - 12/2008: Trưởng phòng quản lý thiết bị tại Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2009 - 12/2014: Giám đốc xí nghiệp tại Công ty CP đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2014 - 12/2015: TVHĐQT tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
- 01/2016 - nay: TVHĐQT – Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT

#### **Ông PHẠM THÁI HÒA**

**Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

**Sinh năm:** 1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 232.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 2%)

#### **Quá trình công tác**

- 10/2008 - 04/2010: Nhân viên Phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 05/2010 - 02/2011: Phó Phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 03/2011 - 06/2011: Trưởng phòng Kế toán tại Công ty CP Đầu tư và TM TNG
- 07/2011 - 06/2014: Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT
- 06/2014 - nay: TVHĐQT – Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT

#### **Ông DƯƠNG NGỌC HẢI**

**Thành viên HĐQT độc lập**

**Sinh năm:** 1982

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 29.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,25%)

#### **Quá trình công tác**

- 2006 – 10/2008: Cán Bộ tại Sở Khoa Học Và Công Nghệ Thái Nguyên - Trung Tâm Thông Tin Công Nghệ
- 10/2008 - 07/2015: Chủ tịch HĐQT tại Công Ty TNHH Công Nghệ Thông Tin H3T
- 08/2015 - 08/2016: Chủ tịch HĐQT tại Công ty In Thái Nguyên
- 08/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần TPS Thái Nguyên
- 05/2018 - nay: Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

#### **Ông PHAN MẠNH HÀ**

**Thành viên HĐQT độc lập**

**Sinh năm:** 1979

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 0 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0%)

#### **Quá trình công tác**

- 2002 – 12/2006: Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Tara
- 01/2006 - 12/2010: Trưởng nhóm giao dịch KH Cao cấp - CTCP Chứng Khoán Kim Long
- 01/2011 - 08/2014: Giám đốc môi giới - CTCP Chứng Khoán Navibank
- 09/2014 – nay: Giám đốc kinh doanh - CTCP Chứng khoán VNDirect
- 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập - CTCP Đầu tư và Phát triển TDT



## Hội đồng quản trị & Ban Tổng giám đốc

**Ông ĐỖ MẠNH HÙNG**  
Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 9.570 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,08%)

### Quá trình công tác

- 2007-2011: Phó Trưởng đoàn – Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên
- 2011-2016: Phó Chủ nhiệm – Ủy ban các vấn đề Xã hội Quốc hội Việt Nam
- 2016-2018: Phó Chủ nhiệm – Văn phòng quốc hội Việt Nam
- 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT độc lập
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

## A4. BAN LÃNH ĐẠO Ban kiểm soát

**Ông NGUYỄN HUY HOÀNG**  
Trưởng ban kiểm soát

Sinh năm: 1955

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (CN. kế toán doanh nghiệp)

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 379.500 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 3,27%)

### Quá trình công tác

- 2000 - 01/2003: Phó Giám đốc tại Công ty May Thái Nguyên
- 01/2003 -12/2005: Phó Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2006 -12/2010: Phó Tổng Giám đốc - Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2011- 12/2011: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2012 - nay: Trưởng ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

## A4. BAN LÃNH ĐẠO Ban kiểm soát

**Ông ĐỖ NGỌC TUYẾN**  
Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý nhân lực

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 23.000 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,2%)

### Quá trình công tác

- 06/2010 - 08/2010: Trưởng phòng Tổ chức chi nhánh TNG 4 - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 09/2010 - 12/2010: Phó Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2011 - 04/2011: Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 05/2011 - nay: Thành viên BKS - Trưởng Phòng Tổ chức Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

**Bà HÀ THỊ THU**  
Thành viên ban kiểm soát

Sinh năm: 1984

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Số lượng cổ phiếu nắm giữ:** 43.500 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,37%)

### Quá trình công tác

- 06/2006 - 12/2010: NV Kinh Doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 01/2011- 08/2014: TP Kinh Doanh - CN nhà máy TNG Sông Công, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
- 09/2014 - nay: TP Kinh Doanh- Thành viên BKS tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT



## A5. PHÂN TÍCH SWOT

# S

**Tầm nhìn định hướng phát triển rõ ràng.** Việc tập trung và chuyển dịch mô hình phát triển mảng kinh doanh FOB giúp TDT đi đúng và kịp với xu hướng phát triển của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam, giúp đem lại nhiều hơn giá trị gia tăng cho cả TDT và đối tác.

**Nhà máy TDT Đại Từ đi vào hoạt động năm 2019** sẽ góp phần nâng cao năng lực sản xuất và sản lượng có thể đạt được của TDT, giúp công ty có cơ hội tiếp cận các đơn hàng lớn trong tương lai.

**Lợi thế cạnh tranh nhờ vị trí địa lý** khi đặt nhà máy tại những tỉnh thành được coi là vùng có nhiều lao động giá rẻ nhưng lại có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực may mặc.

**Hệ thống quản trị được xây dựng trên nền tảng minh bạch, chuyên nghiệp,** tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị cao nhất được áp dụng xuyên suốt từ các bộ phận chức năng của các công ty thành viên đến Tập đoàn. Ban lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm, quản trị trong các doanh nghiệp dệt may lớn tại Việt Nam.

**Kế hoạch nâng cấp máy móc, trang thiết bị hiện đại cho nhà máy TDT Diêm Thụy,** giúp nhà máy này có thể đáp ứng các đơn hàng số lượng lớn, đòi hỏi chất lượng cao. **Kế hoạch chuyển dịch nhà máy TDT Thịnh Đức** nhằm thu hút và tận dụng thêm nguồn lao động giá rẻ tại địa phương.

# W

**Quy mô và vốn đầu tư.** Mặc dù được ban lãnh đạo luôn chú trọng và tập trung phát triển, nhưng quy mô sản xuất và vốn đầu tư của TDT còn khá khiêm tốn và hạn chế so với các doanh nghiệp dệt may khác trên thị trường.

**Thương hiệu.** Dệt may là ngành kinh tế truyền thống và lâu đời của Việt Nam, với thương hiệu TDT còn non trẻ so với các doanh nghiệp cùng lĩnh vực dệt may, gây nhiều khó khăn cho TDT trong việc tiếp cận các đối tác mới và lớn trên thế giới.

**Danh mục khách hàng còn hạn hẹp.** Từ những điểm yếu đã được ở trên, dẫn đến việc danh mục khách hàng của TDT còn khá ít, doanh thu của công ty hiện đang phụ thuộc vào một số nguồn khách hàng chính và lâu năm.

# O

**Hàng loạt các hiệp định thương mại đã và sẽ được thông qua.** Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương đã được thông qua và triển khai năm 2019, trong đó có những ưu đãi cụ thể cho ngành dệt may; hiệp định EVFTA đã được EU phê chuẩn đầu năm 2020 đem đến cho TDT những cơ hội được tiếp cận với các thị trường mới tiềm năng mà không gặp phải các rào cản thương mại từ chính phủ các nước đó do đã cam kết trong các hiệp định thương mại.

**Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.** Trước diễn biến của cuộc chiến tranh thương mại luôn có nguy cơ bùng nổ giữa Mỹ, Trung Quốc và có thể dẫn tới sự tham gia của một số quốc gia và khu vực khác như châu Âu, đây là cơ hội để các đơn hàng truyền thống tập trung tại thị trường Trung Quốc chuyển dịch sang Việt nam.

# T

**Diễn biến dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động xuất nhập khẩu.** Dịch nCoV - 19 bùng phát tại Trung Quốc cuối năm 2019 đã lan ra hầu khắp các quốc gia trên thế giới. Điều đó dẫn tới tác động tiêu cực tới tình hình sản xuất và xuất khẩu của ngành may mặc khi nhu cầu với các sản phẩm giảm đáng kể trong khi tình hình vận chuyển hàng hóa bị đình trệ, có thể dẫn tới tăng chi phí hàng hóa trước khi đến tay người tiêu dùng. Với hoạt động kinh doanh phụ thuộc chính vào gia công xuất khẩu, đây được đánh giá là một trong những thách thức mới là lớn nhất đối với TDT trong năm 2020.

**Nguồn cung nguyên liệu.** Sự phát triển không tương xứng của ngành dệt so với may mặc trong nhiều năm dẫn tới việc nguồn cung nguyên liệu của các doanh nghiệp dệt may phải phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và khó kiểm soát chặt chẽ chất lượng của các nguồn cung này

**Cạnh tranh với các nước xuất khẩu khác.** Việt Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thiện để duy trì cạnh tranh với các nước xuất khẩu như: Bangladesh, Sri Lanka, Myanmar và Campuchia, v.v.

## A6. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH



Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT nhận thức được tầm quan trọng của tinh thần hợp tác để cùng phát triển và đặt ra mục tiêu đưa TDT không chỉ là đối tác mà còn trở thành người bạn song hành, gắn bó cùng với khách hàng, nhà đầu tư và người lao động. TDT trao gửi niềm tin, uy tín và chất lượng tới nhà đầu tư. Từng bước xây dựng nền móng, góp phần đưa ngành dệt may bay cao, bay xa và xây dựng nền tảng vững chắc cho các thế hệ tương lai.

TDT hướng đến đích đến trở thành một thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường dệt may quốc tế bằng nền móng của sự đoàn kết để cùng phát triển. Đối với TDT, chất lượng chính là thương hiệu, uy tín là tài sản, sự hài lòng của khách hàng là lợi nhuận, là kim chỉ nam cho định hướng phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Công ty đặt quyết tâm trở thành thương hiệu lớn và uy tín trên thị trường dệt may Việt Nam và quốc tế.

Năm năm qua, Công ty đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội tặng thưởng nhiều chứng nhận, giải thưởng, danh hiệu cao quý, trong đó tiêu biểu là:

- Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Công thương
- Giấy khen của Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên về công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng tại Công ty.

- Bằng khen của Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên về thành tích xuất sắc trong đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty, ông Chu Thuyên, đã vinh dự nhận được danh hiệu “Nhà quản lý tiêu biểu thời đại Hồ Chí Minh” và được điện kiến Chủ tịch nước.



## A7. CÁC RỦI RO

### RỦI RO CHIẾN LƯỢC & TÀI CHÍNH



#### Rủi ro từ môi trường kinh tế và tiêu dùng toàn cầu

Kinh tế thế giới đang đứng trước tình trạng suy thoái trước tình hình dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp và lan rộng trên toàn thế giới.

Khi tình hình dịch bệnh mới bùng phát tại Trung Quốc, các doanh nghiệp dệt may đã đứng trước nguy cơ bị thiếu nguồn cung nguyên liệu từ Trung Quốc do đây là thị trường chính cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp may từ vải đến, chỉ, kim khâu, khuy, v.v.

Cho đến khi dịch bệnh lan ra trên toàn thế giới, một loạt các cửa hàng thời trang lớn trên thế giới lẫn địa phương đều rơi vào tình trạng đóng cửa do giới nghiêm toàn quốc/ toàn thành phố hoặc cách ly xã hội khiến tình hình tiêu thụ các sản phẩm may mặc trở nên đình trệ. Trong tình trạng đó, rất nhiều các doanh nghiệp Mỹ và EU đã thông báo ngưng nhận đơn hàng trong thời gian sắp tới.

Bên cạnh đó, do tác động của tình hình dịch bệnh, tỷ lệ thất nghiệp tăng đáng kể trong thời gian ngắn. Tại Mỹ, số người đăng ký nhận trợ cấp thất nghiệp đã đạt 3,3 triệu người trong vòng một tuần. Đây được đánh giá sẽ dẫn đến nhu cầu chi tiêu vào các sản phẩm của ngành dệt may giảm mạnh trong thời gian tới.

#### Rủi ro về sức ép cạnh tranh

Đối với TDT, sức ép cạnh tranh không chỉ đến từ các thị trường mới nổi mà còn đến từ các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực sản xuất may mặc trong nước.

Là một thương hiệu nhỏ trong ngành dệt may, TDT chịu rất nhiều sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, Việt Nam lại đối mặt với những khó khăn nhất là ở khâu đơn giá, vì hiện nhiều khu vực thị trường đang có xu hướng giảm sẽ tác động đến dệt may Việt Nam trong thời gian tới. Bên cạnh đó, thị trường dệt may thế giới được dự báo sẽ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, không chỉ Trung Quốc mà nhiều nước khác như Myanmar, Campuchia... làm gia tăng áp lực lên thị phần với Việt Nam tại những khu vực lớn.

Để giảm thiểu rủi ro này, TDT đang và sẽ tập trung phát triển mô hình FOB, giúp định hình chỗ đứng của doanh nghiệp trên thị trường may mặc Việt Nam và thế giới

#### Rủi ro tỷ giá

Tình hình dịch bệnh không chỉ ảnh hưởng tới nền kinh tế mà còn ảnh hưởng đến tỷ giá đồng USD từ đầu năm 2020. Tính từ đầu năm đến nay, tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 1,5%, vẫn trong mức biến động dự kiến từ 1 - 2% cho cả năm 2020 được NHNN đưa ra từ đầu năm. Trên thị trường thế giới, giá USD so với 6 đồng tiền chủ chốt của thương mại toàn cầu cũng tăng lên mức cao nhất trong 3 năm. Tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong những ngày gần đây chủ yếu do giá USD trên thế giới mạnh lên, còn cung - cầu USD trong nước vẫn ổn định.

## A7. CÁC RỦI RO

### Rủi ro quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm với khách hàng

Theo đánh giá của chúng tôi, rủi ro quản trị của TDT là không lớn do tầm nhìn và kinh nghiệm của hội đồng quản trị, ban giám đốc trong quản lý doanh nghiệp và lĩnh vực dệt may, gia công xuất khẩu.

Việc xâm nhập vào các thị trường xuất khẩu chính như EU và Mỹ của các sản phẩm dệt may vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại đang có xu hướng được các quốc gia nhập khẩu áp dụng một cách chặt chẽ hơn. Đặc biệt, các bất ổn địa chính trị, chiến tranh thương mại sẽ khiến các xu hướng bảo hộ sản xuất này diễn ra trong thời gian dài. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, TDT cần tiếp tục hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm và quy trình sản xuất nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thương hiệu của TDT trên thị trường.

### Rủi ro nguyên vật liệu

Thị trường dệt may Việt Nam vốn phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu từ nước ngoài do sự phát triển không đồng đều giữa may mặc với ngành dệt. Phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu và chủ yếu may gia công - đó là thách thức lớn nhất đối với ngành dệt may khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Để giảm thiểu và giải quyết được rủi ro nguyên vật liệu, các DN trong nước cần kết nối với nhau, đặc biệt DN nhỏ và vừa nên tìm kiếm, ký hợp đồng với các DN lớn để có thể chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm từ DN lớn. Điều này là rất cần thiết khi tham gia sân chơi toàn cầu.

### Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán

Khi công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán công ty không chỉ chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh mà còn chịu ảnh hưởng bởi những biến động chung của thị trường, cung cầu tài sản tài chính, những thay đổi trong chính sách điều hành của các cơ quan nhà nước có liên quan. Trong giai đoạn đầu năm 2020, thị trường chứng khoán đã chứng khoán sự giảm điểm đáng kể do tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư đối với tình hình dịch bệnh và kinh tế thế giới. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty cần thực hiện tốt các nghĩa vụ về minh bạch thông tin, quan hệ nhà đầu tư và các quy định có liên quan.

### Rủi ro an toàn sức khỏe

Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và những ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình làm việc là vấn đề nghiêm trọng đối với mọi doanh nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống người lao động. Tuy nhiên đây là vấn đề mà mỗi công ty cần đối mặt để cải tiến. Trong một số nhà máy sản xuất và vị trí làm việc, nguy cơ xảy ra và tác động là cao hơn hẳn và tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Để tăng cường các giải pháp hạn chế rủi ro, TDT đã trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, bảo hộ lao động, chế độ kiểm định đầy đủ và an toàn. Thường xuyên tổ chức đào tạo, diễn tập các tình huống khẩn cấp cho người lao động. Ban hành các nội quy, chế độ giám sát và chế tài xử lý để thúc đẩy việc tuân thủ toàn diện.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG





## **B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2019**

B1. Thông tin ngành	36
B2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch	36
B3. Kết quả kinh doanh qua các năm	37
B4. Tổ chức và nhân sự	40
B5. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	41
B6. Tình hình tài chính	42
B7. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	44



## B1. THÔNG TIN NGÀNH

Trong năm 2019, tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam đạt 263,45 tỷ USD, tăng trưởng 8,1% có phần giảm tốc so với năm 2018. Tuy nhiên theo Bộ Công thương nhận định, trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu giảm thấp do tác động của xung đột thương mại, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn, đặc biệt là căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ với Trung Quốc; xu hướng bảo hộ mậu dịch và việc các nước đang ngày càng gia tăng các biện pháp hạn chế thương mại, kết quả trên đã đáp ứng được kỳ vọng. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Đáng chú ý, hàng dệt may luôn đứng đầu về kim ngạch, đạt khoảng 15 triệu USD trong năm 2019, chiếm 5,2%

trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam. Đây cũng là thị trường mà Công ty tập trung phát triển bên cạnh thị trường EU

Trong giai đoạn 2020-2021 ngành dệt may được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhờ vào các yếu tố hỗ trợ: lợi thế cạnh tranh về chi phí nhân công và ưu đãi đầu tư của Chính phủ đối với ngành; Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA), trong đó dệt may được đánh giá là một trong số những ngành hưởng lợi nhiều nhất; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung dẫn đến sự dịch chuyển nguồn vốn đầu tư và đơn hàng sang Việt Nam.

## B2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2019	TH năm 2019	TH 2019/KH 2019(%)
Tổng doanh thu	Triệu đồng	356.500	366.130	102,70
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	27.900	31.540	113,04

Kết thúc năm 2019, doanh nghiệp đã hoàn thành kế hoạch đề ra ở mức tương đối tốt. Tổng doanh thu năm 2019 của doanh nghiệp đạt 366 tỷ đồng, hoàn thành 103% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 31,54 tỷ đồng, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, đạt 113% kế hoạch.

Hiện tại, các đơn hàng của TDT vẫn tập trung tham gia vào công đoạn sản xuất, với tỷ trọng các đơn hàng theo phương thức FOB đã tăng lên.

Đối với CMT, thông thường đơn giá gia công CMT là 25% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp gia công chỉ đạt 1-3% đơn giá gia công.

Đối với FOB, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm nhập khẩu nguyên vật liệu và sản xuất đơn hàng, doanh nghiệp được hưởng khoảng 30% giá trị xuất khẩu và lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 3 - 5% doanh thu thuần.

Do đó, việc tăng các đơn hàng FOB sẽ giúp tăng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

Ngoài ra, cũng như các doanh nghiệp trong ngành, chi phí chủ yếu của TDT tập trung vào giá vốn hàng bán và chi phí lao động. Việc tổng doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra, trong khi, lợi nhuận vượt mức kế hoạch cho thấy công ty đã thực hiện tốt các biện pháp nhằm quản lý chi phí.

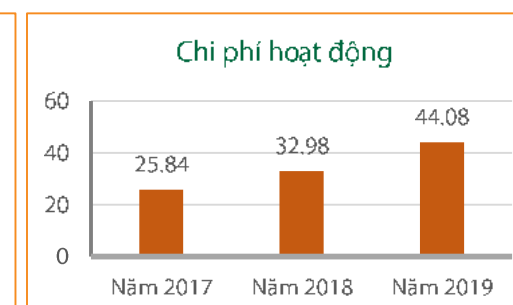
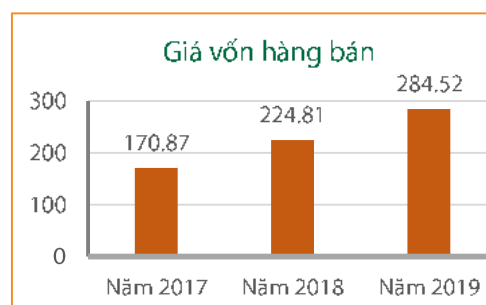
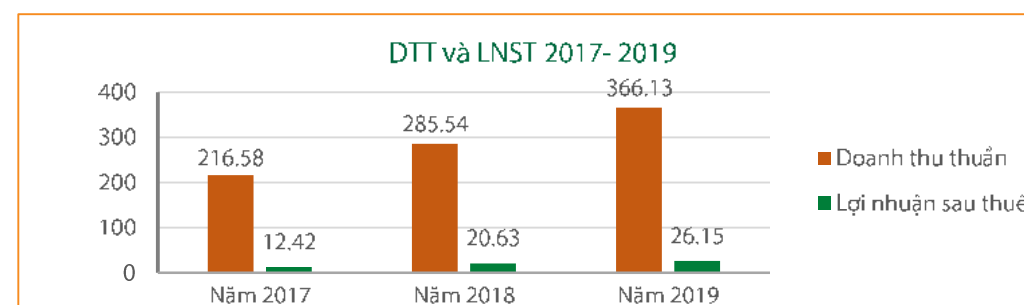
## B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>Doanh thu thuần</b>	Tỷ đồng	216,58	285,54	366,13
<b>Giá vốn hàng bán</b>	Tỷ đồng	170,87	224,81	284,52
<b>Chi phí hoạt động</b>	Tỷ đồng	25,84	32,98	44,08
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	13,58	22,55	31,54
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	12,42	20,63	26,15

Với hoạt động kinh doanh chính là xuất khẩu hàng may mặc, doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tục tăng trưởng ấn tượng từ 217 tỷ đồng năm 2017 lên 366 tỷ đồng năm 2019. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng liên tục qua các năm từ 12 tỷ đồng lên 26 tỷ đồng.

Nhìn chung chi phí giá vốn hàng bán cao, khiến cho lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp đạt tỷ lệ khá thấp so với doanh thu thuần. Đây là đặc điểm chung của các công ty gia công hàng may mặc xuất khẩu do công đoạn cắt may có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị.

Nhận thức rõ điều này, nên từ năm 2016, công ty đã gia tăng sản xuất các đơn hàng xuất khẩu theo phương thức FOB chỉ định. Ngoài ra, công ty cũng có kế hoạch và tiến hành các dự án mở rộng quy mô sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của các khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới. Trong thời gian tới, khi quy mô sản xuất tăng, công ty sẽ có khả năng tăng thêm nhiều đơn hàng và đủ năng lực để đáp ứng yêu cầu của những đơn hàng có khối lượng rất lớn.

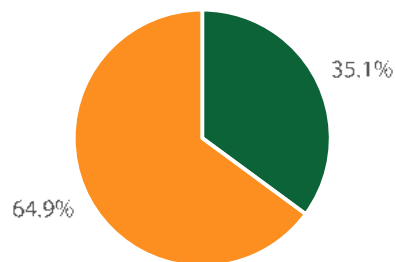




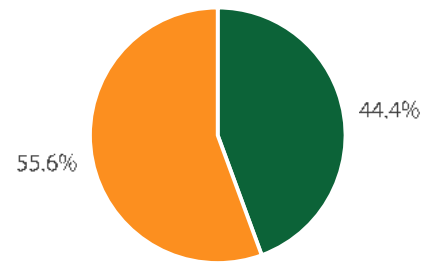
### B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Tỷ trọng	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	2019/2018
Doanh thu thuần từ hoạt động gia công	Tỷ VNĐ	72,66	34%	100,2	35%	162,76	44%	62,4%
Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	Tỷ VNĐ	143,92	66%	185,34	65%	203,36	56%	9,7%
Tổng	Tỷ VNĐ	216,58	100%	285,54	100%	366,13	100%	27,8%

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động 2018



Cơ cấu doanh thu theo hoạt động 2019

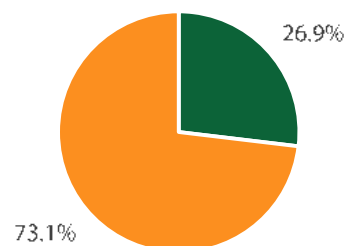


■ Hoạt động gia công ■ Sản xuất thành phẩm nguyên chiếc

■ Hoạt động gia công ■ Sản xuất thành phẩm nguyên chiếc

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	Tỷ trọng	TH 2018	Tỷ trọng	TH 2019	Tỷ trọng	2019/2018
Lãi gộp hoạt động gia công	Tỷ VNĐ	16,45	36%	16,33	27%	45,1	56%	176,1%
Lãi gộp hoạt động sản xuất sản phẩm nguyên chiếc	Tỷ VNĐ	29,26	64%	44,4	73%	35,37	44%	-20,3%
Tổng	Tỷ VNĐ	45,71	100%	60,73	100%	80,48	100%	32,5%

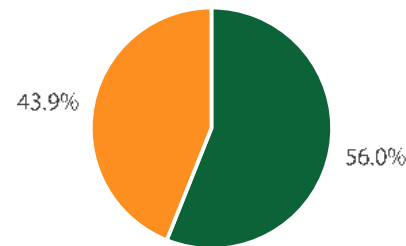
Cơ cấu lợi nhuận gộp 2018



■ Hoạt động gia công ■ Sản xuất thành phẩm nguyên chiếc

■ Hoạt động gia công ■ Sản xuất thành phẩm nguyên chiếc

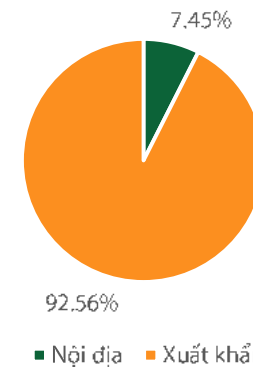
Cơ cấu lợi nhuận gộp 2019



### B3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

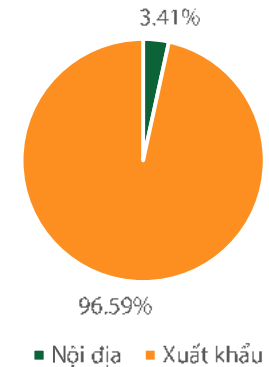
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Tỷ trọng	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	2019/2018
Doanh thu từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	16,2	7%	21,26	7%	12,48	3%	-41,3%
Doanh thu từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	200,38	93%	264,28	93%	353,65	97%	33,8%
Tổng	Tỷ VNĐ	216,58		285,54		366,13		28,2%

Cơ cấu doanh thu theo thị trường 2018



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

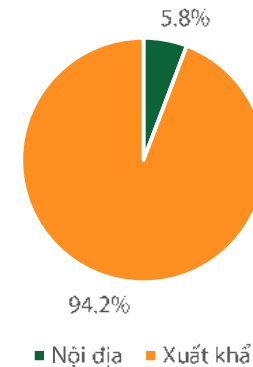
Cơ cấu doanh thu theo thị trường 2019



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

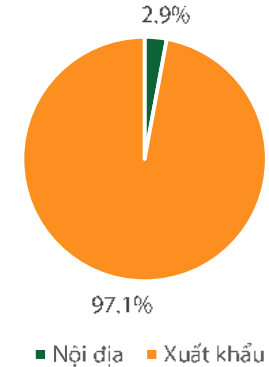
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Tỷ trọng	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng	2019/2018
Lãi gộp từ thị trường nội địa	Tỷ VNĐ	0,42	1%	3,5	6%	2,38	3%	-32,0%
Lãi gộp từ thị trường xuất khẩu	Tỷ VNĐ	45,29	99%	57,23	94%	79,26	97%	38,5%
Tổng	Tỷ VNĐ	45,71	100%	60,73	100%	81,64	100%	34,4%

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường 2018



■ Nội địa ■ Xuất khẩu

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường 2019

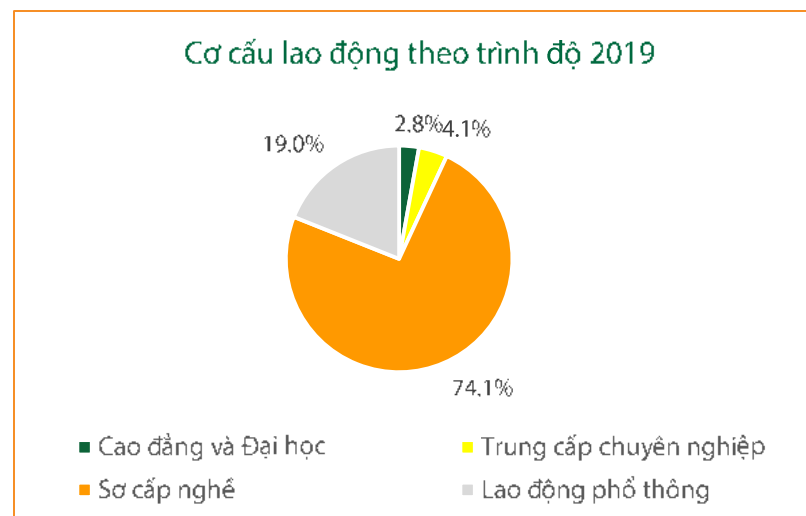


■ Nội địa ■ Xuất khẩu

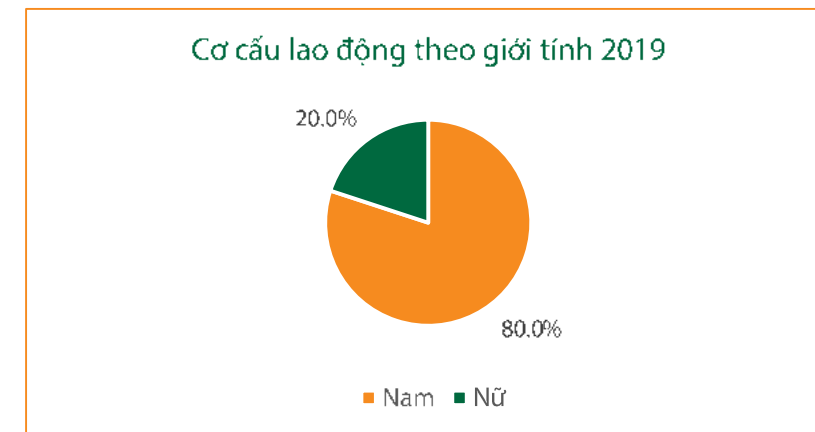
## B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Thống kê lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng 2018 (người)	Số lượng 2019 (người)	Tỷ trọng 2019
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>			
1	Cao đẳng và Đại học	46	54	3%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	62	78	4%
3	Sơ cấp nghề	758	1415	74%
4	Lao động phổ thông	231	362	19%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>			
1	Khối trực tiếp	781	1359	71%
2	Khối gián tiếp và phụ trợ	316	550	29%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>			
1	Nam	258	389	20%
2	Nữ	839	1518	80%
<b>IV</b>	<b>Theo độ tuổi</b>			
1	Dưới 25	477	1011	53%
2	Từ 31 đến 40	546	804	42%
3	Trên 40 tuổi	74	92	5%
<b>V</b>	<b>Theo thời gian làm việc tại công ty</b>			
1	Dưới 1 năm	150	593	31%
2	Từ 1 đến 3 năm	913	1250	65%
3	Không xác định thời hạn	34	64	3%
<b>Tổng cộng</b>		992	1909	



## B4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



### Một số thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Thường tiền lương tháng thứ 13 và 14. Thường thâm niên công tác và thưởng Tết Nguyên đán.
- Người lao động được tuyển dụng tại Công ty được tham gia đóng Bảo hiểm xã hội, Y tế, thất nghiệp đầy đủ theo quy định của nhà nước và được bảo lưu mức đóng Bảo hiểm theo bậc thợ của từng cá nhân nếu đã tham gia đóng BHXH từ trước.
- Được hưởng các khoản phúc lợi khác theo quy định như: Tham quan, nghỉ mát, học tập....

## B5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm công ty đã gấp rút triển khai hoàn thiện dự án nhà máy may TDT Đại Từ, đến nay đã có kết quả nhất định:

- Tỷ lệ hoàn thiện dự án đạt mức 80%.
- Đưa vào vận hành 10 dây chuyền may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2020, Công ty sẽ hoàn thành nốt dự án đúng tiến độ đã nêu.



## B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	2019/2018
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	250,17	340,83	36,24%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	285,54	365	27,83%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	22,06	30,77	39,48%
5	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,49	0,77	57,14%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	22,55	31,54	39,87%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,63	26,15	26,76%

Năm 2019, các chỉ tiêu tài chính đều ghi nhận tăng so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó một số chỉ tiêu đáng chú ý là: Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 26 tỷ đồng, bằng 126,76% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt gần 31 tỷ đồng, bằng 165,03% so với cùng kỳ năm 2018. Lợi nhuận khác đạt gần 0,8 tỷ đồng, bằng 139,48% so với cùng kỳ năm 2018.

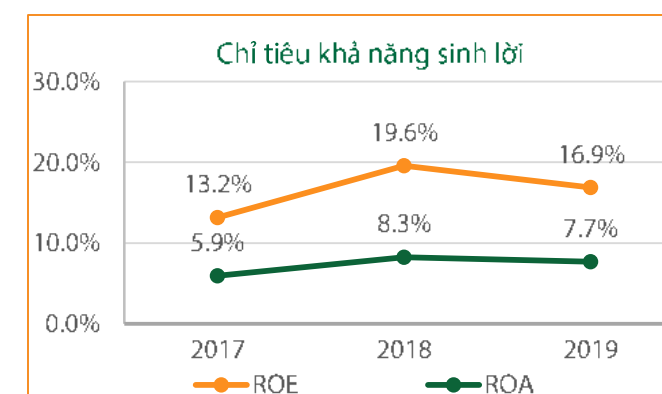
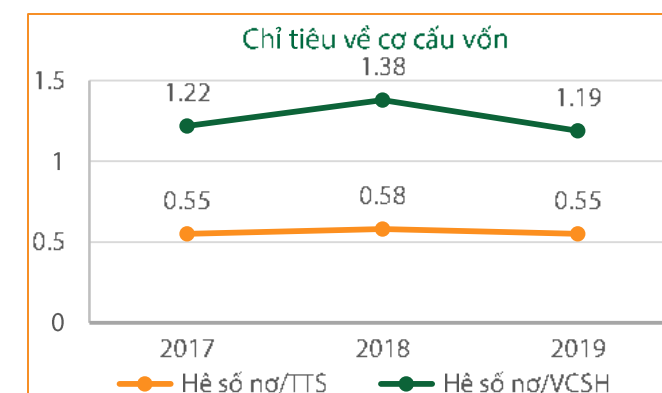
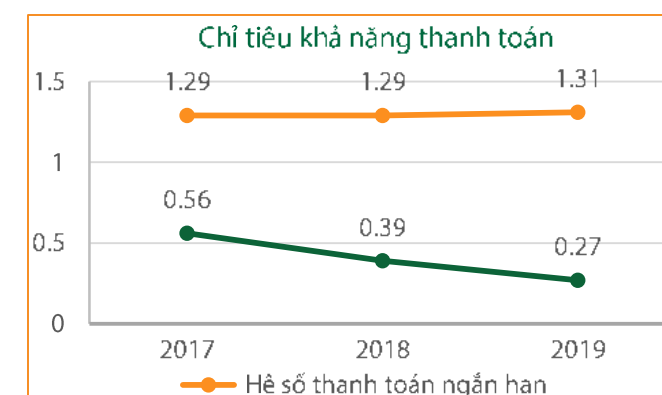
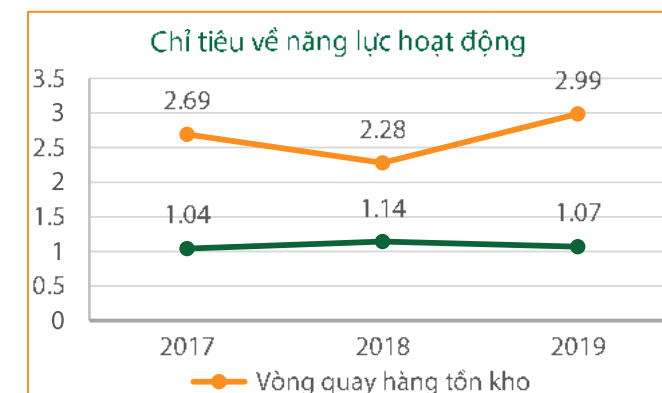
Nhìn chung, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là nguồn thu chính, chiếm gần như toàn bộ lợi nhuận của Công ty. Điều này hoàn toàn phù hợp với định hướng kinh doanh là tập trung toàn bộ nguồn lực để phát triển ngành nghề kinh doanh chính, sản xuất và kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu.

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận tăng cao trong năm 2019 là:

- Công ty đã tập trung vào công tác đơn hàng, tìm kiếm những đơn hàng giá tốt, số lượng sản phẩm lớn, sản phẩm phù hợp với thể mạnh của TDT.
- Mặt khác, Công ty cũng tiết giảm chi phí trong sản xuất bằng các biện pháp áp dụng máy móc công nghệ sản xuất hiện đại dẫn đến tăng năng suất lao động so với cùng kỳ năm trước, giảm giá vốn.
- Tăng được năng lực sản xuất tại các nhà máy vệ tinh dẫn đến tăng lợi nhuận.

Các chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2019/2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,29	1,31	102%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,39	0,27	69%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,58	0,55	95%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,38	1,19	86%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	lần	2,28	2,99	131%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,14	1,07	94%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	7%	7%	99%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	20%	17%	87%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	8%	8%	93%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	8%	8%	109%

## B6. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



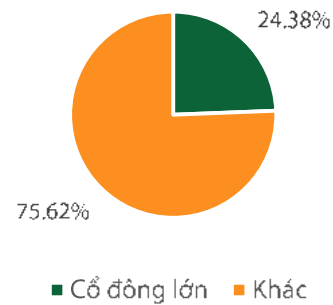
## B7. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### Cổ đông

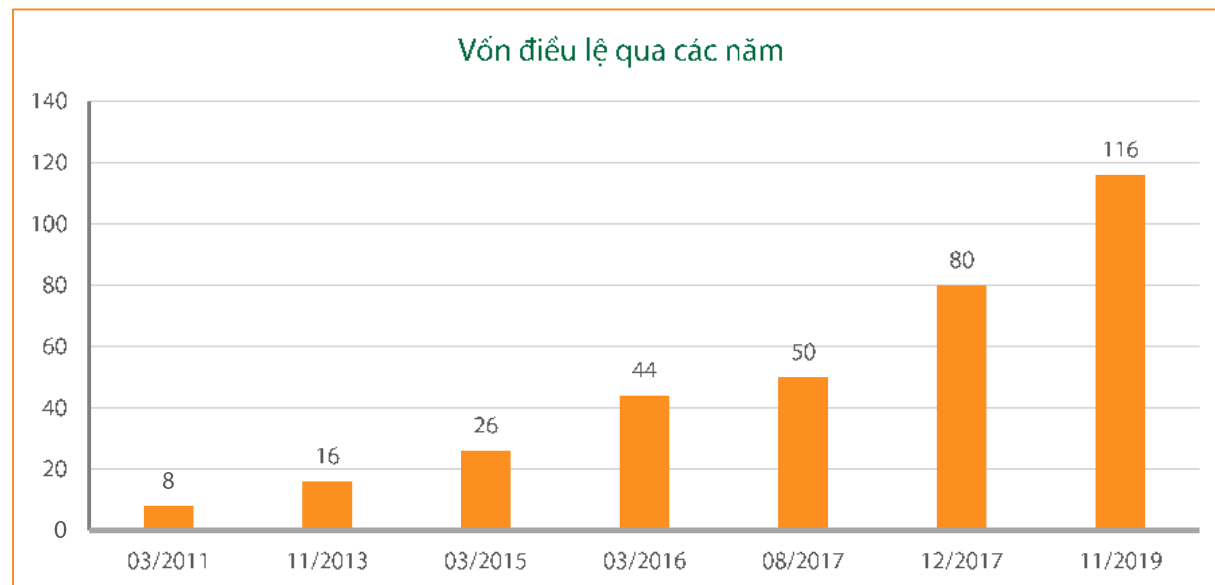
Tính đến hết ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã phát hành 11.621.797 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 11.621.797 cổ phiếu.
  - Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
  - Số cổ phần đang lưu hành: 11.621.797 cổ phiếu
  - Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

### Cơ cấu cổ đông



### Quá trình tăng vốn điều lệ

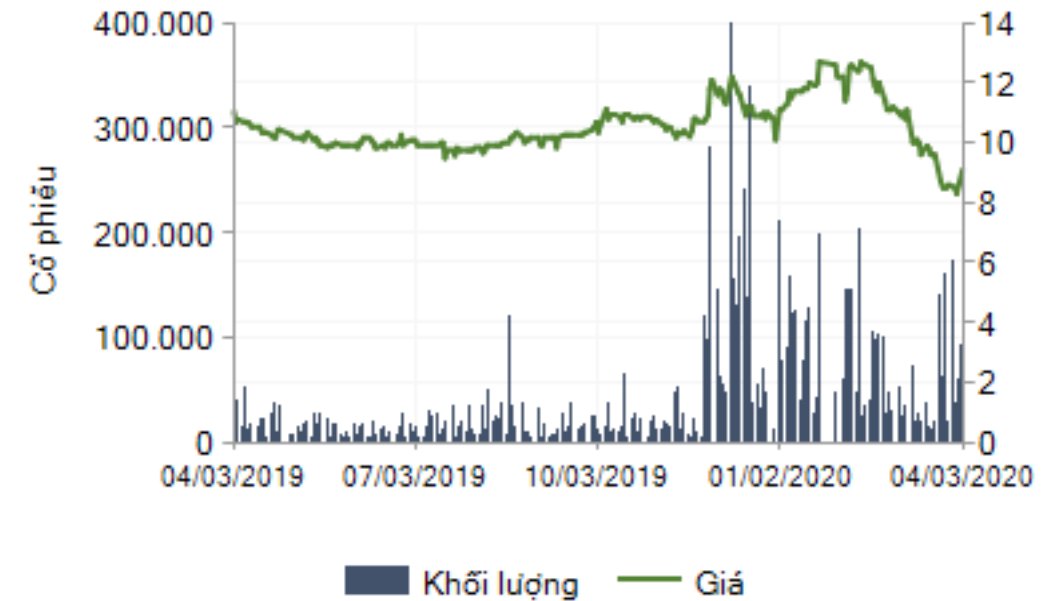


### Cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Ông Chu Thuyền	1.834.250	15,78%
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	1.000.000	8,60%
	Tổng cộng	2.834.000	24,38%

## B7. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

### 1 Năm; Giá và Khối lượng







## **C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

C1. Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh	48
C2. Tình hình tài chính	50
C3. Định hướng phát triển trong tương lai	52



## C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Danh sách của Ban giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Chu Thuyên	Tổng Giám đốc	1.834.250	15,78
2	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.000.000	8,60
3	Ông Đặng Đình Vụ	Phó Tổng Giám đốc	103.500	0,89

### Đánh giá chung hoạt động sản xuất kinh doanh



Bám sát chiến lược phát triển mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đề ra, trong năm 2019, TDT tiếp tục tập trung phát huy nội lực của mình là những thế mạnh sẵn có về năng lực sản xuất cùng đội ngũ cán bộ, công nhân viên lành nghề, gắn bó với công ty để vừa hoàn thành các hợp đồng đã ký với các đối tác truyền thống vừa không ngừng tìm kiếm, mở rộng mạng lưới khách hàng mới. Quý 3/2019, công ty đã đưa vào vận hành nhà máy Chi nhánh may TDT Đại Từ với quy mô 28 chuyền may, qua đó tạo cơ sở

vững chắc cho mục tiêu phát triển mảng kinh doanh cốt lõi của công ty là may mặc xuất khẩu. Trước tình hình thị trường ngày càng biến động mạnh do tác động của các yếu tố địa chính trị, chủ nghĩa bảo hộ và chiến tranh thương mại, Ban Giám đốc dựa trên các thế mạnh sẵn có của công ty đã nỗ lực trong công tác xây dựng kế hoạch, quyết liệt trong điều hành để thực hiện tốt và vượt mức nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Cụ thể tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019 như sau:

## C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2018	TH 2019	KH 2019	TH 2019/TH 2018	TH 2019/KH 2019
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	285,54	365,00	356,50	127,83%	102,39%
LNTT	Tỷ đồng	22,55	31,54	27,90	139,85%	113,05%
LNST	Tỷ đồng	20,63	26,15		126,76%	
ROE	%	19,59%	16,87%		86,13%	

### Thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019, Việt Nam tiếp tục đứng trong top 3 nước có kim ngạch xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới nhưng đứng đầu về tốc độ tăng trưởng, cụ thể, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt khoảng 39 tỷ USD, tăng trưởng khoảng 7,55% so với năm 2018.

Nửa đầu năm 2019, thị trường và đơn hàng có nhiều dấu hiệu tích cực và khởi sắc hơn cùng kỳ 2018.

Ngành dệt may bước đầu được hưởng một số lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, chiến tranh thương mại Mỹ Trung và nhận được sự quan tâm từ phía các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

### Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Tuy vẫn dẫn đầu các quốc gia cạnh tranh về tăng trưởng nhưng rõ ràng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã bị **chậm lại**, không duy trì được tăng trưởng hơn hai con số như những năm trước. Theo Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã khiến tổng nhu cầu nhập khẩu dệt may thế giới năm 2019 yếu đi, chỉ tăng 3,4% so với 2018, ước đạt 780,8 tỷ USD, trong khi tăng trưởng 2018 - 2017 đã tăng 7,33%.

Ngành dệt may còn đối mặt với cạnh tranh ngày càng cao về giá vải từ nước ngoài, nhất là Trung Quốc. Theo đó, do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tổn kho vải của Trung Quốc nhiều khiến nước này đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường khác. Theo VITAS, giá bán sợi của doanh nghiệp Việt Nam giảm mạnh chỉ trong vòng vài tháng. Điển hình hồi đầu năm, giá sợi giảm từ mức 3,09 USD/kg hồi tháng 8/2018 xuống 2,68 USD/kg vào tháng 1/2019 trong khi giá bông vào khoảng 1,95 USD/kg.



## C1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh

**Thách thức lớn nhất của ngành là việc nhập khẩu trên 50% nguyên phụ liệu từ nước ngoài.** Trong khi đó, các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, CPTPP yêu cầu phải đảm bảo qui tắc xuất xứ. Theo số liệu của VITAS, nhập khẩu nguyên phụ liệu năm 2019 tăng 2,3% lên 22,3 tỉ USD. Trong đó, Việt Nam nhập khẩu tới 80% vải cho xuất khẩu khẩu. Về nguồn gốc, vải nhập về chiếm hơn một nửa từ Trung Quốc trong khi nước này không thuộc nhóm nước EVFTA hay CPTPP nên doanh nghiệp không đạt được qui tắc xuất xứ.

**Doanh nghiệp trong nước phải cạnh tranh với các nước** như: Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh... và nhiều nước tập trung hỗ trợ ngành dệt may. Đáng chú ý, có cả những quốc gia mới nổi ở khu vực châu Phi khiến số lượng nhà sản xuất tăng mạnh, đơn hàng bị san sẻ và chuyển dịch sang nước khác. Trong Chiến tranh thương mại, đơn hàng từ Trung Quốc có xu hướng

chuyển sang các quốc gia hiện có ưu đãi về thuế suất như: Bangladesh, Campuchia...

**Thị trường sợi cũng gặp nhiều khó khăn bởi sự cạnh tranh về đơn hàng** từ các doanh nghiệp sợi có vốn đầu tư nước ngoài cũng như cạnh tranh từ các quốc gia khác như: Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Pakistan... ngày càng gay gắt.

**Về phía TDT, năm 2019, công ty vẫn còn đối mặt với một số khó khăn** như: chi phí sản xuất tăng, bao gồm: chi phí năng lượng, xuất nhập khẩu vận tải, bảo hiểm xã hội, cạnh tranh cao về lao động tại khu vực nhà máy hoạt động. Thêm nữa, số lượng mỗi đơn hàng nhỏ đi, khách hàng không đặt hàng dài hạn 3 - 6 tháng như trước và tình hình trở nên khó đoán hơn trước tính chất mùa vụ. Mặt bằng giá bán năm 2019 thấp hơn so với năm ngoái, do đó ảnh hưởng tới biên lợi nhuận.

vận hành thêm nhà máy Chi nhánh may TDT Đại Từ với quy mô 28 chuyển may là cơ sở cho việc mở rộng thị trường và phục vụ thêm nhu cầu của khách hàng. Tính đến hết năm 2019, công suất nhà máy TDT Đại Từ đạt khoảng 36% tương đương 10 trên 28 chuyển may đã hoạt động và dự kiến sẽ lấp đầy toàn bộ các dây chuyền trong năm 2020. Điều này dẫn tới sự dịch chuyển trong cơ cấu tổng tài sản; tỷ trọng của tài sản ngắn hạn giảm, đồng thời tỷ trọng của tài sản dài hạn tăng. Năm 2018, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 70,58 % tổng tài sản, sang 2019 chỉ còn chiếm 59,14%. Trong đó, hàng tồn kho là loại tài sản chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là các khoản phải thu. Nguyên nhân của hiện tượng này là do tính chất mùa vụ của các đơn hàng may mặc xuất khẩu, tập trung sản xuất vào những quý cuối năm; lượng hàng tồn kho lớn do công ty chưa tiến hành bàn giao với khách hàng. Khách hàng của công ty phần lớn đều là những khách hàng lớn, có quan hệ hợp tác lâu dài nên công ty không gặp vấn đề rủi ro phát sinh các khoản nợ khó thu hồi.

Tài sản ngắn hạn	Đơn vị	Năm 2017	Tỷ trọng	Năm 2018	Tỷ trọng	Năm 2019	Tỷ trọng
Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ VNĐ	14,66	11,15%	14,46	8,19%	41,15	20,42%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ VNĐ	38,70	29,43%	35,28	19,98%	34,54	17,14%
Hàng tồn kho	Tỷ VNĐ	74,42	56,59%	123,13	69,74%	120,92	60,00%
Các Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ VNĐ	3,73	2,84%	3,69	2,09%	4,94	2,45%
Tổng	Tỷ VNĐ	131,51	100%	176,57	100%	201,55	100%

## C2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	87,99	131,5	176,57	201,55
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	85,48	77,68	73,61	139,28
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	173,48	209,18	250,18	340,83
Tỷ trọng Tài sản ngắn hạn	%	50,72%	62,87%	70,58%	59,14%
Tỷ trọng Tài sản dài hạn	%	49,28%	37,13%	29,42%	40,86%
Tốc độ tăng tài sản	%		49,45%	34,27%	36,23%

Tại 31/12/2019, quy mô tổng tài sản của công ty đạt 340,83 tỷ đồng, tăng 36,23% so với năm 2018. Trong giai đoạn 2016-2019, tổng tài sản của công ty liên tục tăng qua các năm với tốc độ trung bình 25,25%/năm, do công ty đang trong giai đoạn mở rộng năng lực sản xuất qua việc xây dựng các nhà máy mới, nâng cấp các dây chuyền máy móc đồng thời tích cực tăng doanh thu hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển khách hàng mới. Song song với hai nhà máy đang hoạt động ổn định, đảm bảo chất lượng và tốc độ sản xuất cho các khách hàng truyền thống, năm 2019, công ty đưa vào

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019
Nợ phải trả	Tỷ VNĐ	119,46	114,87	144,85	185,81
Nguồn vốn Chủ sở hữu	Tỷ VNĐ	54,01	94,31	105,33	155,02
Tổng Nguồn vốn	Tỷ VNĐ	173,48	209,18	250,18	340,83
Tỷ trọng Nợ phải trả	%	68,86%	54,91%	57,90%	54,52%
Tỷ trọng Nguồn vốn Chủ sở hữu	%	31,14%	45,09%	42,10%	45,48%
Tốc độ tăng VCSH	%		20,58%	19,60%	47,18%

Trong giai đoạn 2016-2019 công ty đã trải qua bốn đợt tăng vốn điều lệ, một đợt năm 2016, hai đợt năm 2017 và một đợt năm 2019. Vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2019 đạt 155,02 tỷ đồng, gần gấp ba lần so với năm 2016. Do vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn tốc độ tăng của nợ vay, nên cơ cấu vốn có sự thay đổi. Mặc dù phần lớn vốn công ty đang sử dụng là vốn vay, tỷ trọng nợ phải trả chiếm trên 50% tổng nguồn vốn nhưng những năm gần đây tỷ lệ này đã giảm. Việc tăng cường sử dụng vốn chủ sở hữu thay vì vốn vay là một trong những chủ trương đúng đắn của Ban lãnh đạo công ty trước tình hình thị trường tài chính đang có những biến động mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro nên chi phí vay có xu hướng tăng cao. Dùng nhiều vốn vay trong giai đoạn này sẽ giúp tăng tăng khả năng thanh toán và tỷ lệ an toàn tài chính của công ty. Đồng thời, hoạt động của công ty sẽ giảm bớt sự phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài.

### C3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG TƯƠNG LAI



Trong giai đoạn 05 năm tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục tập trung và phát triển mảng hoạt động chính mà mình có thế mạnh là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, trong đó cụ thể:

- Tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh.
- Nâng cao trình độ thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên phụ liệu, kỹ năng đàm phán.
- Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động.
- Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng FOB có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Tích cực tìm kiếm khách hàng tại các thị trường thuộc khuôn khổ các hiệp định tự do thương mại mà Việt Nam là thành viên như CPTPP, EVFTA.

- Mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong cả nước và thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ/EU/Nhật Bản nhằm đẩy mạnh công tác sales/marketing, tiếp cận và làm việc trực tiếp với các khách hàng bán lẻ tại các thị trường này nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận.

Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao (từ CMT sang FOB và tiến tới là ODM, OBM). Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với TDT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình chuyển đổi. Ở TDT hiện đã hội tụ đầy đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động

tay nghề cao), máy móc công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại chuẩn bị có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (có hiệu lực từ năm 2018) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch 05 năm đã được đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của TDT là vô cùng tích cực.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	565,60	365,00	154,96%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	58,20	31,54	184,53%
Cổ tức (%)	10 - 20%	15 - 20%	

**... VÀ VỚI TDT, ĐÂY CHÍNH XÁC LÀ THỜI ĐIỂM VÀNG ĐỂ BẮT ĐẦU QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI. Ở TDT HIỆN ĐÃ HỘI TỤ ĐỦ CÁC YẾU TỐ VỀ MẶT CON NGƯỜI, MÁY MÓC CÔNG NGHỆ, NGUỒN VỐN...**





## **D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

D1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh TDT năm 2019	56
D2. Kết quả thực hiện các định hướng chiến lược đề ra	56
D3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	57
D4. Hoạt động của HĐQT năm 2019	58
D5. Định hướng hoạt động năm 2020	60



## D1. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện thành công nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 giao phó. HĐQT đã đưa ra những chiến lược quan trọng về định hướng phát triển công ty, phát triển nguồn nhân lực, định hướng khách hàng, mặt hàng. Đặc biệt HĐQT trong năm 2019 đã chỉ đạo thành công ba việc lớn. Một là phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu. Hai là đưa nhà máy TDT Đại Từ quy mô 28 chuyển máy đi vào hoạt động và ba là HĐQT cũng giao nhiệm vụ và giám sát Ban TGD trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh đạt và vượt mức các chỉ tiêu đề ra của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.



## D2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỀ RA

**Trong năm 2019, Công ty đã đạt được những kết quả như sau:**

Đưa nhà máy TDT Đại Từ, quy mô 28 chuyển máy, đi vào hoạt động.

Hoàn thành các nội dung tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2019 giao phó.

Thành lập Chi nhánh may TDT Đại Từ trực thuộc CTCP Đầu tư và Phát triển TDT.

## D3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng giám đốc và những người điều hành khác đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng giám đốc và các bộ phận thực thi luôn bám sát và báo cáo tình hình thực hiện, tiến độ triển khai các dự án, hạng mục công việc so với kế hoạch đã lập ra, và tiến độ triển khai các kế hoạch tiếp theo, cụ thể là tiến độ triển khai thực hiện dự án mở rộng nhà máy may TDT Thịnh Đức, TDT Điểm Thụy và TDT Đại Từ;
- Yêu cầu Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;

- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng giám đốc và người điều hành khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
- Tích cực tham gia vào các buổi họp các buổi họp định kỳ khác của Ban Tổng giám đốc nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đánh giá chung

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban TGD trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty.
- Trong quá trình hoạt động, Ban TGD đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ (%)	Thực hiện 2018	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	365,00	356,50	102,39%	285,54	127,83%
LN trước thuế	Tỷ đồng	31,54	27,90	113,05%	22,55	139,85%
LN sau thuế	Tỷ đồng	26,15			20,63	126,76%
Cổ tức	%	15-20%	15-20%		15%	



## D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

### Danh sách của Ban giám đốc

Trong Đại hội cổ đông năm 2019 tổ chức ngày 07/04/2019, Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất thông qua thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT nhiệm kỳ 2018-2023 từ 05 lên 07 thành viên, trong đó có 05 thành viên Hội đồng quản trị điều hành và 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Đến cuối năm 2019, HĐQT công ty gồm các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Chu Thuyền	Chủ tịch HĐQT/TGĐ
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/PTGĐ
3	Đặng Đình Vụ	UV HĐQT/PTGĐ
4	Phạm Thái Hòa	UV HĐQT/ Kế toán trưởng
5	Dương Ngọc Hải	UV HĐQT (bầu bổ sung ngày 20/05/2018)
6	Đỗ Mạnh Hùng	UV HĐQT độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)
7	Phan Mạnh Hà	UV HĐQT độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)

### Về tổ chức các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

### Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI DỰ HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Chu Thuyền	Chủ tịch HĐQT/TGĐ	8	100%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/PTGĐ	8	100%
3	Đặng Đình Vụ	UV HĐQT/PTGĐ	8	100%
4	Phạm Thái Hòa	UV HĐQT/ Kế toán trưởng	8	100%
5	Dương Ngọc Hải	UV HĐQT (bầu bổ sung ngày 20/05/2018)	8	100%
6	Đỗ Mạnh Hùng	UV HĐQT độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)	6	75%
7	Phan Mạnh Hà	UV HĐQT độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)	6	75%

## D4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

### Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY THÁNG	NỘI DUNG
1	01/2019/NQ-HĐQT	26/02/2019	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
2	02/2019/NQ-HĐQT	01/03/2019	Phê duyệt thành lập Chi nhánh may TDT Đại Từ trực thuộc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT..
3	03/2019/NQ-HĐQT	11/06/2019	- Thực hiện đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu. - Xử lý cổ phiếu không phân phối hết
4	04/2019/NQ-HĐQT	15/08/2019	- Sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Thực hiện niêm yết bổ sung
5	05/2019/NQ-HĐQT	12/09/2019	Điều chỉnh chi tiết phương án và kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
6	06/2019/NQ-HĐQT	28/11/2019	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020
7	07/2019/NQ-HĐQT	25/12/2019	Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm
8	08/2019/NQ-HĐQT	27/12/2019	Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

### Đánh giá chung hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, chỉ đạo kịp thời giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban TGĐ trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

## D5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

### Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ vào ngân sách thù lao mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã phê duyệt, thu nhập (bao gồm lương, thưởng và thù lao) đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2019 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
1	Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT/TGD	777.054.434	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT/PTGD	580.517.324	Thành viên điều hành
3	Đặng Đình Vụ	TV HĐQT/PTGD	443.076.463	Thành viên điều hành
4	Phạm Thái Hòa	TV HĐQT/ Kế toán trưởng	344.038.973	Thành viên điều hành
5	Dương Ngọc Hải	TV HĐQT	20.000.000	Thành viên điều hành (bầu bổ sung ngày 20/05/2018)
6	Đỗ Mạnh Hùng	UV HĐQT	0	Thành viên độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)
7	Phan Mạnh Hà	UV HĐQT	0	Thành viên độc lập (bầu bổ sung ngày 07/04/2019)
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.164.687.194</b>	

## D5. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

### Mục tiêu và kế hoạch của năm 2020

Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT có tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững và minh bạch bằng việc sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi; nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của thế giới nói chung và ngành may mặc nói riêng; đầu tư sâu vào máy móc thiết bị công nghệ cao, các mặt hàng có giá trị gia tăng cao. Đồng thời, kiểm soát tối đa các rủi ro.

Trên cơ sở đó, Ban TGD đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2020 trình HĐQT như sau:

Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỷ đồng)	565,60	365,00	154,96%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	58,20	31,54	184,53%
Cổ tức (%)	10-20%	15 - 20%	

### Các giải pháp thực hiện:

- Triển khai thực hiện nhanh các dự án để đưa vào sản xuất kinh doanh trong thời gian ngắn nhất
- Sử dụng nguồn vốn của Công ty một cách hợp lý, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí
- Nâng cao trình độ quản trị, năng lực quản lý của HĐQT, Ban TGD và cán bộ công nhân viên
- Định hướng lựa chọn khách hàng, đối tác, mặt hàng phù hợp với năng lực của Công ty và mang lại hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục đầu tư sâu vào công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động
- Xây dựng văn hóa, môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động; tiếp tục nâng cao thu nhập cho cán bộ quản lý và người lao động trong công ty.





## **E. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

E1. Hội đồng quản trị	64
E2. Ban kiểm soát	64
E3. Tăng cường quản trị công ty	67



## E1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên Hội đồng quản trị

### Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

### Các nghị quyết của HĐQT năm 2018

(Thông tin đã nêu ở phần D. Báo cáo của Hội đồng quản trị)

## E2. BAN KIỂM SOÁT

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát

### với HĐQT, Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức 3 buổi họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, kiểm soát các mặt hoạt động của công ty, thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2019; Định kỳ hàng tháng, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động, sản xuất kinh doanh của Chi nhánh, Xí nghiệp và toàn Công ty. Sau kiểm soát, Ban kiểm soát đều có biên bản làm việc với Giám đốc và kế toán trưởng các Chi nhánh, Xí nghiệp và đưa ra những tồn tại khắc phục trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính của Công ty, qua đó góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

- Trong năm 2019 HĐQT đã ra 08 Nghị quyết Hội đồng quản trị về cuộc họp Đại hội cổ đông; Thông qua kế hoạch phát hành và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; Phương án chi trả cổ tức.

Thành lập Chi nhánh may TDT Đại Từ trực thuộc Công ty; Thông qua chi tiết phương án và kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng; Phân phối lại cổ phiếu không chào bán hết.

- Ban Tổng giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện tốt các nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể. Căn cứ hướng dẫn các quy định của Công ty ban hành, hàng ngày theo dõi hành vi, vi phạm nội quy, quy chế của cán bộ công nhân viên. Ban Tổng giám đốc cũng chỉ đạo công tác điều hành thực hiện các giải pháp về đơn hàng và tổ chức sản xuất phù hợp với phương án kỹ thuật, đẩy mạnh năng suất lao động của toàn công ty.

### Thành viên Ban kiểm soát (BKS)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ
1	Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban	3	100%
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Ủy viên	3	100%
3	Hà Thị Thu	Ủy viên	3	100%

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm qua BKS triệu tập 3 cuộc họp, nội dung kiểm tra và đôn đốc nhắc nhở nhiệm vụ của từng thành viên, chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát từng mảng của mình được phân công, phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên BKS - BKS tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến trong công tác kế hoạch sản xuất và điều hành sản xuất kinh doanh, trong công tác quản lý và quản trị công ty

### Công tác kiểm tra

a. Công tác kiểm tra tài chính: Kiểm tra công tác tài chính trong năm được 4 đợt kiểm tra, chứng từ kế toán, ngân hàng, hợp đồng kinh tế và kiểm tra quyết toán tài chính quý, năm. Trong quá trình kiểm tra có một số sai sót đã tham gia với bộ phận chuyên môn khắc phục kịp thời; chứng từ lưu được đồng theo từng tháng.

b. Công tác kiểm tra ATVSLĐ - PCCN, CSLĐ

Tổng số CNLĐ được giao kết HĐLĐ: 1867 người. Trong đó có: 117 người nghỉ chế độ Thai sản, tạm hoãn. Số lao động được ký kết đóng BHXH là: 1314 người. Hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo công việc có tính chất nhất định ( dưới 12 tháng): 553 người.

Các chế độ của người lao động được bảo đảm như: 100% CNVLĐ làm việc tại công ty được ký HĐLĐ, được hưởng BHXH, BHYT, tiền lương, thưởng, chế độ lao động nữ, đã giải quyết kịp thời các chế độ, quyền lợi cho CNVCLĐ theo đúng qui định của Bộ luật lao động.

Công ty thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, bộ phận BHLĐ, bộ phận y tế trong doanh nghiệp. Thực hiện tốt các công tác An toàn vệ sinh lao động và PCCC, Tổ chức bộ máy làm công tác bảo hộ lao động tại đơn vị từ tổ sản xuất đến các phòng ban.

• Mạng lưới An toàn vệ sinh được thành lập tháng 8 năm 2018 với tổng số là 28 người, hàng tháng, Công ty phụ cấp 30.000 đ/người/tháng. Lập kế hoạch dự trù cấp phát BHLĐ cho năm 2018 với tổng số tiền là 770.543.000 đ.

• Đào tạo huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho toàn bộ quản lý trong đơn vị và lên kế hoạch tháng 12/2019, tổ chức đào tạo ATVSLĐ cho tất cả người lao động tháng 01/2019. Diễn tập PCCC vào tháng 03/2019. Kiểm tra định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ. Thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe năm 2019 cho toàn bộ Người lao động. Lập kế hoạch tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục về BHLĐ cho người lao động. Thực hiện duy trì và vận hành công trình xử lý ô nhiễm, đảm bảo môi trường vệ sinh lao động. Đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Thực hiện các chính sách chế độ bảo hộ lao động (trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân, khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng bằng hiện vật, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ đối với lao động nữ, lao động vị thành niên...). Năm 2019 không để xảy ra vụ tai nạn lao động nào.

c. Công tác kiểm tra quyết toán nguyên phụ liệu, kinh doanh, xuất nhập khẩu

- Công tác kinh doanh: Đã định hướng xây dựng khách hàng phù hợp với yêu cầu của HĐQT, từng bước sàng lọc các khách hàng tốt phù hợp với tay nghề của công nhân

- Tiếp tục tìm kiếm các khách hàng mới cho xí nghiệp may Đại Từ

- Công tác XNK: Thanh khoản kịp thời chính xác

- Công tác Quyết toán NPL đòi tiền: bộ phận KD đã tích cực hơn trong quá trình làm quyết toán và đôn đốc đòi tiền khách hàng đúng hạn, đàm phán với các khách thực hiện thanh toán bằng phương thức LC at sight để đảm bảo an toàn trong thanh toán.



## E2. BAN KIỂM SOÁT

### Thù lao của Ban kiểm soát năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng BKS	60.000.000
2	Đỗ Ngọc Tuyến	Thành viên BKS	35.000.000
3	Hà Thị Thu	Thành viên BKS	35.000.000
Tổng cộng			130.000.000

### Đánh giá kết quả kinh doanh và tình hình tài chính năm 2019

Khoản mục	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	Tỷ lệ đạt 2019 (%)
Doanh thu tiêu thụ	356,50	365,00	285,53	102
Lợi nhuận trước thuế	27,90	31,54	22,55	113

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	176,57	201,55	Tăng 14%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	73,61	139,28	Tăng 89%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	136,74	154,70	Tăng 13%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	8,11	32,1	Tăng 295%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	20,63	26,1	Tăng 626%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	105,33	155,02	Tăng 47%

- Năm 2019 cả chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với kế hoạch, lợi nhuận tăng 21.11% so với năm 2018, đồng thời tăng 11.45% so với kế hoạch

- Tuy năm 2019 lợi nhuận cao hơn năm 2018 là 21% nhưng khả năng sinh lời của tài sản ROA và khả năng sinh lời của vốn CSH ROE đều thấp hơn năm 2018. Do việc đầu tư vốn chủ yếu vào xây dựng nhà máy Đại Từ.

## E2. BAN KIỂM SOÁT

### Những kiến nghị của Ban kiểm soát về phương hướng năm 2020

Để tăng lợi nhuận ngoài việc tăng năng suất lao động, doanh thu tăng, giảm chi phí, hội đồng quản trị, ban giám đốc cần chỉ đạo điều hành giảm một số chi phí nổi bật sau:

-- Năm 2019 chi phí xuất nhập khẩu và vận tải chiếm 3,3% trên doanh thu sản xuất ( năm 2018 là 3%) và chiếm 7% trên giá CM với tỷ lệ trên là cao.

-Chi phí bán hàng tăng cao hơn 10% so với năm 2017 cần được giảm xuống.

- Chi phí tài chính năm 2019 chiếm 3,73% trên doanh thu ( năm 2018 là 2,5%), tỷ lệ trên cho thấy hoạt động SXKD dựa trên vốn vay cao cần có giải pháp về vốn và quay vòng vốn..

- Bộ phận thị trường cần phải chủ động, cân đối nguồn hàng đảm bảo ổn định sản xuất đối với xí nghiệp may Đại Từ.

Qua một năm ban kiểm soát hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và quy chế hoạt động của ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội thường niên năm 2019. Ban kiểm soát đã thực hiện được một số nhiệm vụ trên, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện được những chỉ tiêu cơ bản mà Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên đã biểu quyết thông qua. Bên cạnh đó còn hạn chế là 2/3 thành viên ban kiểm soát kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều, ảnh hưởng tới thời gian kiểm tra.

## E3. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Phối hợp giữa Ban kiểm soát trong điều hành

- Việc phối hợp giữa Hội Đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, góp phần để hoạt động của Ban kiểm soát ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt.

- Tham gia hội đồng đàm phán hợp đồng với các khách hàng, nhà cung cấp, bàn giá theo hội đồng công khai.

- Trước khi ký kết hợp đồng hoặc mua, hoặc bán các hợp đồng khác, các cá nhân có thẩm quyền ký kết đều thông tin đến Ban kiểm soát để thẩm định về mặt pháp lý nhằm tránh các rủi ro về thành toán và phải có dấu xác nhận của Ban kiểm soát thì lãnh đạo công ty mới phê duyệt để thực hiện Hợp đồng.

- Ban lãnh đạo công ty căn cứ vào kết quả đánh giá nhà cung cấp của Ban kiểm soát để phê duyệt nhà cung cấp, từ đó ký kết hợp đồng với nhà cung cấp.

- Kiểm soát các báo cáo KQKD theo tháng, theo quý, nếu lỗi, ban kiểm soát sẽ kiểm tra, phân tích nguyên nhân lỗi, kế hoạch các tháng tiếp theo và đề xuất các khuyến nghị.





## **F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

---

F1. Chính sách người lao động	70
F2. Chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	72

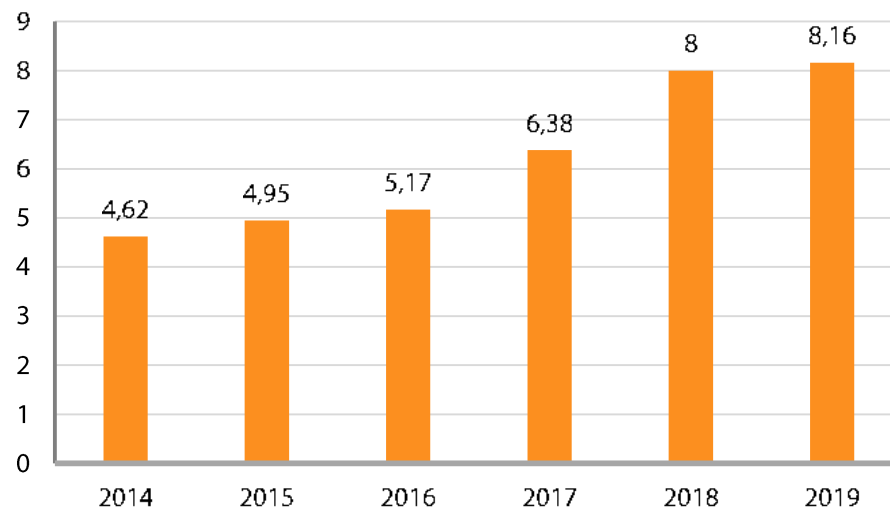


## F1. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với đặc thù của ngành may mặc xuất khẩu, chất lượng lao động có tác động lớn tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, TDT luôn chú trọng việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và nhân văn. Thực hiện các chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm không ngừng nâng cao tay nghề, chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ lao động.

STT	Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019
1	Số lượng lao động (người)					
2	Thu nhập/lương trung bình (triệu đồng/người/tháng)	4,95	5,17	6,38	8	8,16

Thu nhập bình quân lao động



Để thu hút và giữ chân người lao động có chất lượng cao gắn bó lâu dài với công ty, TDT đã và đang thực hiện chính sách lương, thưởng và phúc lợi phù hợp. Trong giai đoạn 2014-2019, mức lương trung bình của người lao động tăng dần qua các năm. Để tạo động lực cho người lao động, công ty cũng xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.

Tăng cường sự đoàn kết gắn bó giữa người lao động với nhau và với công ty, các công tác Đảng, Đoàn và Công đoàn được chú trọng thực hiện. Bên lề hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp cho người lao động có tâm lý thoải mái, tinh thần hăng say trong lao động từ đó, giúp tăng sức sáng tạo và hiệu quả thực hiện công việc.

## F1. CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Một số sự kiện dành cho người lao động được Công ty tiến hành tổ chức trong năm 2019

Sáng ngày 13 tháng 01 năm 2019, Ban giám đốc và BCH công đoàn Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT đã long trọng tổ chức Hội nghị Người lao động năm 2019. Các đại biểu có mặt tại Hội nghị đã có phiên thảo luận và đóng góp ý kiến tại các nội dung: Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kết quả kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, nội quy, các quy định, quy chế của Công ty; cũng như kiến nghị, đề xuất một số ý kiến của người lao động đến lãnh đạo công ty.



Nhằm chăm lo cho đoàn viên công đoàn và công nhân viên chức lao động trong dịp tết Nguyên đán và động viên CBCNV có hoàn cảnh khó khăn đó, Hàng năm, cùng với công đoàn ngành công thương tỉnh Thái Nguyên, BCH Công đoàn Công ty cùng với BCH Đoàn thanh niên đã phát động chương trình ủng hộ tặng Quà tết hàng năm cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn với chủ đề: **“Thắp lửa yêu thương, sẻ chia đón tết”** hàng năm.



## F2. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, TDT không chỉ chú trọng lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến lợi ích của xã hội, đặc biệt là cộng đồng địa phương, nơi Công ty đặt nhà máy hoạt động. Ngành dệt may là ngành thâm dụng lao động nên TDT cũng như các công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực luôn cần một lượng lớn lao động. Vì thế, Công ty đang góp phần tạo công ăn việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho một lượng lớn lao động trong khu vực. Bên cạnh đó, TDT cũng thực hiện các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác.

### HÀNH TRÌNH “TIẾP BƯỚC EM ĐẾN TRƯỜNG”

Thực hiện chương trình hành động hàng năm của Chỉ bộ Công ty với chủ đề “Tiếp bước em đến trường”, ngày 08/11/2019, Đoàn công tác thiện nguyện của Chỉ bộ Công ty CP Đầu tư và Phát triển TDT cùng với Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt Thái Nguyên và nhóm doanh nghiệp VBN Thái Nguyên do đồng chí Phạm Văn Quang – Phó chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên làm Trưởng đoàn đã đến xã Háng Đồng thuộc huyện Bắc Yên tỉnh Sơn La.







## **G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019**

---



V/v: CBTT Báo cáo tài chính đã  
kiểm toán năm 2019

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 03 năm 2020

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

### 1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Mã chứng khoán: TDT

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02086 567 898

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Việt Thắng- Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT thực hiện Công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.

### 3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:

[www.tdtgroup.vn](http://www.tdtgroup.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

#### Nơi nhân:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c)
- Ban Tổng GD (để b/c)
- Lưu TK, HĐQT.

Người được ủy quyền thực hiện công



NGUYỄN VIỆT THẮNG



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 37



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 09 (chín) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 03 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 116.217.970.000 đồng (Một trăm mười sáu tỷ hai trăm mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng./.).

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Chu Thuyên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
- Ông Đặng Đình Vự	Thành viên
- Ông Phạm Thái Hòa	Thành viên
- Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT độc lập
- Ông Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 7/4/2019)
- Ông Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập (Bổ nhiệm ngày 7/4/2019)

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Chu Thuyên	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng giám đốc
- Ông Đặng Đình Vự	Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Thái Hòa	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên
- Bà Hà Thị Thu	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2020

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng giám đốc



Chu Thuỳên

Số: 14 /2020/BCKT- PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT được lập ngày 12 tháng 03 năm 2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2018-242-1

**Trịnh Thu Huyền**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2993-2019-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>201.550.214.283</b>	<b>176.570.137.906</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>41.154.000.839</b>	<b>14.464.329.952</b>
1. Tiền	111		41.154.000.839	14.464.329.952
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.539.137.651</b>	<b>35.281.501.300</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.914.146.660	23.352.824.169
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.596.141.166	4.321.036.291
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	2.120.000.000	1.987.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	5.908.849.825	5.620.640.840
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>120.921.607.654</b>	<b>123.129.892.178</b>
1. Hàng tồn kho	141		120.955.915.702	123.142.757.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.308.048)	(12.865.518)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.935.468.139</b>	<b>3.694.414.476</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	499.628.467	194.047.188
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.430.283.356	3.492.032.814
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	5.556.316	8.334.474
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>139.279.984.011</b>	<b>73.608.678.883</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.690.000.000</b>	<b>1.690.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.690.000.000	1.690.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.629.247.032</b>	<b>66.820.785.705</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	74.343.870.429	53.214.609.542
- Nguyên giá	222		145.596.574.671	109.539.944.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.252.704.242)	(56.325.334.853)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	13.285.376.603	13.606.176.163
- Nguyên giá	228		14.346.211.352	14.346.211.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.060.834.749)	(740.035.189)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>46.962.562.905</b>	<b>2.462.348.731</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	46.962.562.905	2.462.348.731
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.998.174.074</b>	<b>2.635.544.447</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.998.174.074	2.635.544.447
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>340.830.198.294</b>	<b>250.178.816.789</b>

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

7



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>185.807.369.215</b>	<b>144.850.152.122</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>153.702.633.409</b>	<b>138.400.828.745</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	15.518.023.400	22.592.866.106
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	-	69.600.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	821.247.658	405.477.366
4. Phải trả người lao động	314		11.550.000.000	7.577.815.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	573.943.522	30.537.499
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.161.829.692	1.382.488.817
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	123.574.023.844	106.342.042.218
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	503.565.293	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.104.735.806</b>	<b>6.449.323.377</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	32.104.735.806	6.449.323.377
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>155.022.829.079</b>	<b>105.328.664.667</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>155.022.829.079</b>	<b>105.328.664.667</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		116.217.970.000	80.150.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.217.970.000	80.150.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		38.804.859.079	25.178.264.667
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.652.249.374	4.546.520.577
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		26.152.609.705	20.631.744.090
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>340.830.198.294</b>	<b>250.178.816.789</b>

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Giang

Phạm Thái Hòa



Chu Thuyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	366.129.767.132	286.193.247.011
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.126.817.291	654.988.929
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		365.002.949.841	285.538.258.082
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	284.521.797.378	224.812.097.361
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.481.152.463	60.726.160.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	512.709.771	1.349.393.124
7. Chi phí tài chính	22	6.5	6.145.549.035	7.040.258.639
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.587.923.129	4.964.207.182
8. Chi phí bán hàng	25		8.966.815.421	8.124.646.450
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	35.111.191.783	24.851.984.330
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.770.305.995	22.058.664.426
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.014.292.120	546.940.384
12. Chi phí khác	32	6.7	244.056.188	52.568.429
13. Lợi nhuận khác	40		770.235.932	494.371.955
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.540.541.927	22.553.036.381
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	5.387.932.222	1.921.292.291
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		26.152.609.705	20.631.744.090
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	3.219	2.574

NGƯỜI LẬP

Ngô Thị Giang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thái Hòa

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Chu Thuyên

Báo cáo tài chính phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>31.540.541.927</b>	<b>22.553.036.381</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.299.008.969	13.095.741.321
- Các khoản dự phòng	03		21.442.530	
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		170.076.459	1.889.756.848
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(213.443.839)	(570.803.459)
- Chi phí lãi vay	06		5.587.923.129	4.964.207.182
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>52.405.549.175</b>	<b>41.931.938.273</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(60.108.735)	(3.157.962.636)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.186.841.994	(48.713.749.855)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.154.324.759)	12.500.829.683
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(668.210.906)	1.134.858.136
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.468.740.629)	(4.517.410.540)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.965.162.037)	(2.368.594.533)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>40.275.844.103</b>	<b>(3.190.091.472)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.610.719.104)	(8.835.056.899)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		24.238.093	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.147.000.000)	(10.857.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.014.000.000	15.758.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		189.205.746	570.803.459
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(80.530.275.265)</b>	<b>(3.363.253.440)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**

Mẫu số B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		24.045.120.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		333.434.385.699	267.042.558.203
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(290.546.991.644)	(251.227.971.452)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(9.618.048.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>66.932.514.055</b>	<b>6.196.538.751</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>26.678.082.893</b>	<b>(356.806.161)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.464.329.952	14.662.522.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.587.994	158.613.785
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>41.154.000.839</b>	<b>14.464.329.952</b>

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

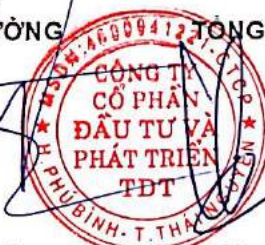
TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Giang



Phạm Thái Hòa




Chu Thuyên



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 4600941221 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 22 tháng 03 năm 2011. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 09 (chín) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 03 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 116.217.970.000 đồng (Một trăm mười sáu tỷ hai trăm mười bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng./.).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất hàng may mặc.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật);
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mỹ phẩm, đồ lưu niệm);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Giáo dục nghề nghiệp (Dạy nghề may công nghiệp);
- Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh.
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT số 02/2019/NĐ-HĐQT/TDT ngày 01 tháng 03 năm 2019 về việc phê duyệt thành lập Chi nhánh may TDT trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT. Tên Chi nhánh: Chi nhánh May TDT Đại Từ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT. Địa chỉ: xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính đặt tại xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.



Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

#### **4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### **4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- |                                     |   |
|-------------------------------------|---|
| - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: | Giá bình quân gia quyền tháng   |
| - Sản phẩm dở dang:                 | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.



**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

**4.6.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Quyền sử dụng đất 49 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

**4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.10. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí lãi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí lãi vay.

**4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí bảo hành và lãi vay phải trả. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng, khế ước vay.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.14. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**4.15. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.



**4.17. Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

**4.18. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm chịu thuế suất thuế GTGT là 0% và 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm của khu vực đã Cổ phần hóa của Công ty. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**4.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.20. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**4.21. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.22. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4.23. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Gia công hàng hóa và sản xuất thành phẩm nguyên chiếc.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty gồm hoạt động xuất khẩu và hoạt động nội địa.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tiền mặt	431.414.763	204.412.263
Tiền gửi ngân hàng	40.722.586.076	13.260.005.789
Tiền đang chuyển	-	999.911.900
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41.154.000.839</b>	<b>14.464.329.952</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Asmara International Limited	4.516.246.771	1.126.517.660
Winners Creations Co., Ltd	-	2.525.032.648
Pan-Pacific Co., Ltd	3.236.490.573	2.493.303.888
Premier Exim ( HK) Co., Ltd	-	9.585.461.361
Evolution3 Co., Ltd	-	5.185.674.000
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	631.961.139	1.425.990.852
Cobest Hong Kong Co., Ltd	7.379.161.670	-
Capital Garment Co., Ltd	5.786.018.536	982.861.950
Phải thu khách hàng khác	364.267.971	27.981.810
<b>Cộng</b>	<b>21.914.146.660</b>	<b>23.352.824.169</b>
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b>	-	-

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ Phần Cơ khí Xây dựng CPT Việt Nam	692.654.872	-
Công ty TNHH Xây dựng & Sản xuất Dịch vụ Thương mại Duy Phát	820.000.000	-
Premier Exim ( HK) Co., Ltd	1.142.997.822	-
Trả trước người bán ngắn hạn khác	1.940.488.472	4.321.036.291
<b>Cộng</b>	<b>4.596.141.166</b>	<b>4.321.036.291</b>
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**5.4 Phải thu khác**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.908.849.825</b>	-	<b>5.620.640.840</b>	-
- Chi cục Hải quan Thái Nguyên	-	-	2.382.200	-
- Tạm ứng	5.339.305.000	-	5.238.900.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	192.825	-	192.825	-
- Phải thu khác	569.352.000	-	379.165.815	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.690.000.000</b>	-	<b>1.690.000.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược	1.690.000.000	-	1.690.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.598.849.825</b>	-	<b>7.310.640.840</b>	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.5 . Phải thu về cho vay**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Bùi Hồng Vân (i)	1.800.000.000	-	1.650.000.000	-
Đào Thị Thu Thủy (ii)	150.000.000	-	145.000.000	-
Bùi Minh Thái (iii)	105.000.000	-	105.000.000	-
Bùi Huy Tùng (iv)	65.000.000	-	-	-
Dương Thị Chất	-	-	27.000.000	-
Chu Cẩm Thủy	-	-	60.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.120.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.987.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Hợp đồng vay số 02/TDT-BHV/2019 ngày 15/5/2019, số tiền 1,8 tỷ đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 6 tháng.  
(ii) Hợp đồng vay số 05/TDT-ĐTTT/2019 ngày 15/07/2019, số tiền 150 triệu đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 6 tháng.  
(iii) Hợp đồng vay số 03/TDT-BMT/2019 ngày 10/6/2019, số tiền 105 triệu đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 6 tháng.  
(iv) Hợp đồng vay số 04/TDT-BHT/2019 ngày 10/07/2019, số tiền 65 triệu đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 6 tháng.

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	13.811.524.432	-	19.913.041.055	-
Công cụ, dụng cụ	968.411.927	-	130.076.445	-
Chi phí SXKD dở dang	917.921.341	-	6.438.391.123	-
Thành phẩm nhập kho	105.215.172.943	-	96.618.364.014	-
Hàng hóa	42.885.059	(34.308.048)	42.885.059	(12.865.518)
<b>Cộng</b>	<b>120.955.915.702</b>	<b>(34.308.048)</b>	<b>123.142.757.696</b>	<b>(12.865.518)</b>

**5.7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	46.962.562.905	2.462.348.731
+ Cải tạo và mở rộng nhà xưởng	46.962.562.905	2.462.348.731
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.962.562.905</b>	<b>2.462.348.731</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	48.005.256.569	54.447.073.486	5.098.166.219	1.735.615.970	253.832.151	109.539.944.395
Tăng trong năm	7.411.877.360	27.048.612.377	1.899.994.909	165.713.455	-	36.526.198.101
- Mua trong năm	2.374.243.591	24.578.864.150	1.899.994.909	165.713.455	-	29.018.836.105
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.037.633.769	2.054.035.056	-	-	-	7.091.668.825
- Tăng khác	-	415.693.171	-	-	-	415.693.171
Giảm trong năm	-	-	53.874.654	415.693.171	-	469.567.825
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	53.874.654	415.693.171	-	469.567.825
Số dư cuối năm	55.417.133.929	81.495.685.863	6.944.286.474	1.485.636.254	253.832.151	145.596.574.671
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	17.024.102.068	34.626.414.738	3.821.026.887	599.959.009	253.832.151	56.325.334.853
Tăng trong năm	4.965.132.167	9.003.823.677	836.239.508	173.014.057	-	14.978.209.409
- Số khấu hao trong năm	4.965.132.167	9.003.823.677	836.239.508	173.014.057	-	14.978.209.409
Giảm trong năm	-	-	50.840.020	-	-	50.840.020
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	50.840.020	-	-	50.840.020
Số dư cuối năm	21.989.234.235	43.630.238.415	4.708.106.415	772.973.066	253.832.151	71.252.704.242
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	30.981.154.501	19.820.658.748	1.277.139.332	1.135.656.961	-	53.214.609.542
2. Tại ngày cuối năm	33.427.899.694	37.865.447.448	2.236.180.059	712.663.188	-	74.343.870.429

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 8.199.480.478 đồng

Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp các khoản vay: 64.988.487.875 đồng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	14.346.211.352	14.346.211.352
- Mua trong năm		-
- Giảm khác		-
Số dư cuối năm	14.346.211.352	14.346.211.352
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	740.035.189	740.035.189
Tăng trong năm	320.799.560	320.799.560
- Số khấu hao trong năm	320.799.560	320.799.560
Số dư cuối năm	1.060.834.749	1.060.834.749
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	13.606.176.163	13.606.176.163
Tại ngày cuối năm	13.285.376.603	13.285.376.603

**5.10 Chi phí trả trước**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Ngắn hạn	499.628.467	194.047.188
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	499.628.467	194.047.188
b) Dài hạn	2.998.174.074	2.635.544.447
- Chi phí thuê đất làm xưởng	525.000.000	945.000.000
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	2.473.174.074	1.690.544.447
<b>Cộng</b>	<b>3.497.802.541</b>	<b>2.829.591.635</b>

**5.11 Phải trả người bán**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH TM Thời trang Đình Cao	-	-	629.974.006	629.974.006
Công ty TNHH TM và Dịch vụ Dũng Hùng	586.455.205	586.455.205	241.853.340	241.853.340
Công ty CP may xuất khẩu Ninh Bình	-	-	52.206.605	52.206.605
PREMIER EXIM (HK) Co., Ltd	-	-	12.826.599.779	12.826.599.779
AVERY DENNISON HONG KONG B.V	159.298.099	159.298.099	908.208.289	908.208.289
Brother Machinery (ASIA) Limited	2.373.278.960	2.373.278.960	-	-
Công ty TNHH Bao Bi Hoa Nam	1.588.402.685	1.588.402.685	432.186.194	432.186.194
Các khoản phải trả người bán khác	10.810.588.451	10.810.588.451	7.501.837.893	7.501.837.893
<b>Cộng</b>	<b>15.518.023.400</b>	<b>15.518.023.400</b>	<b>22.592.866.106</b>	<b>22.592.866.106</b>
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
FARO J Co., Ltd	-	69.600.836
Cộng	-	69.600.836

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
- Thuế TNDN	336.893.798	5.387.932.222	4.965.162.037	759.663.983
- Thuế TNCN	68.583.568	401.208.067	408.207.960	61.583.675
- Các loại thuế, phí khác	-	261.149.409	261.149.409	-
Cộng	405.477.366	6.050.289.698	5.373.369.997	821.247.658
b) Phải thu				
- Thuế nhà đất	8.334.474	225.017.801	222.239.643	5.556.316
Cộng	8.334.474	225.017.801	222.239.643	5.556.316

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.14 Chi phí phải trả**

a) Ngắn hạn	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Phí dịch vụ nhà sản xuất	94.367.078	-
- Chi phí bảo hành và lãi vay phải trả	479.576.444	30.537.499
Cộng	573.943.522	30.537.499
b) Dài hạn		
Cộng	-	-

**5.15 Các khoản phải trả khác**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Kinh phí công đoàn	1.161.829.692	1.382.488.817
Cộng	1.161.829.692	1.382.488.817

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2019				Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>123.574.023.844</b>	<b>123.574.023.844</b>	<b>297.226.297.309</b>	<b>279.994.315.683</b>	<b>106.342.042.218</b>	<b>106.342.042.218</b>
Vay ngân hàng	118.604.165.419	118.604.165.419	288.054.343.884	270.148.049.404	100.697.870.939	100.697.870.939
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (i)	99.556.038.614	99.556.038.614	207.040.081.621	187.128.632.051	79.644.589.044	79.644.589.044
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (ii)	19.048.126.805	19.048.126.805	73.557.412.142	71.385.438.331	16.876.152.994	16.876.152.994
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thái Nguyên	-	-	5.481.607.426	9.658.736.327	4.177.128.901	4.177.128.901
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	1.975.242.695	1.975.242.695	-	-
Vay cá nhân	-	-	4.220.000.000	5.840.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.969.858.425</b>	<b>4.969.858.425</b>	<b>4.951.953.425</b>	<b>4.006.266.279</b>	<b>4.024.171.279</b>	<b>4.024.171.279</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	562.228.377	562.228.377	544.323.377	4.006.266.279	4.024.171.279	4.024.171.279
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thái Nguyên	407.630.048	407.630.048	407.630.048	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>32.104.735.806</b>	<b>32.104.735.806</b>	<b>36.208.088.390</b>	<b>10.552.675.961</b>	<b>6.449.323.377</b>	<b>6.449.323.377</b>
Vay ngân hàng	24.782.235.806	24.782.235.806	29.495.588.390	5.257.675.961	544.323.377	544.323.377
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thái Nguyên (iii)	-	-	-	544.323.377	544.323.377	544.323.377
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên (iv)	22.946.845.115	22.946.845.115	26.946.845.115	4.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thái Nguyên (v)	1.835.390.691	1.835.390.691	2.548.743.275	713.352.584	-	-
Vay cá nhân	7.322.500.000	7.322.500.000	6.712.500.000	5.295.000.000	5.905.000.000	5.905.000.000
<b>Cộng</b>	<b>155.678.759.650</b>	<b>155.678.759.650</b>	<b>333.434.385.699</b>	<b>290.546.991.644</b>	<b>112.791.365.595</b>	<b>112.791.365.595</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**c) Vay các bên liên quan**

Nguyễn Huy Hoàng	5.050.000.000	5.050.000.000	9.270.000.000	9.515.000.000	5.295.000.000	5.295.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>9.270.000.000</b>	<b>9.515.000.000</b>	<b>5.295.000.000</b>	<b>5.295.000.000</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên Hội sở theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT220-TDT ngày 12/07/2019. Theo đó, hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn cho vay: từ ngày 12/07/2019 đến hết ngày 30/06/2020, lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong hợp đồng.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐTD ngày 03/06/2019. Theo đó, hạn mức tín dụng là 46.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn cho vay: từ ngày 03/06/2019 đến ngày 03/06/2020, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 12/2015-HĐTDDA/NHCT220-TDT ngày 16 tháng 12 năm 2015, hạn mức tín dụng tối đa 9.780.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 9%/năm và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và công cụ dụng cụ của dự án mở rộng sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

- Hợp đồng tín dụng số 30.05/2014-HĐTDDA/NHCT220-TDT ngày 13 tháng 05 năm 2014, hạn mức tín dụng tối đa 10.460.000.000 đồng, thời hạn cho vay các khoản nợ là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất khoản giải ngân đầu tiên là 12%/năm và thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và theo các hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay: đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

(iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 02/2019/4642906/HĐTD ngày 05/08/2019. Theo đó, số tiền vay là 46.000.000.000 đồng, vay bằng tiền VND hoặc USD. Thời hạn cho vay là 72 tháng, lãi suất 10%/năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên sau đó sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy định của BIDV từng thời kỳ. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy Đại Từ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy may TDT Đại Từ.

(v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2802019031 ngày 30/01/2019. Theo đó, số tiền vay là 11.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 4 năm, lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán tiền mua máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hàng may sẵn, chân, ga, gối, đệm mở rộng. Tài sản đảm bảo được quy định cụ thể trong hợp đồng đảm bảo tiền vay.

Các khoản vay các nhân là các khoản vay cán bộ công nhân viên và các cổ đông trong Công ty theo các hợp đồng vay, lãi suất 10%, thời hạn vay từ 1 năm đến 2 năm. Vay theo hình thức tín chấp. Mục đích vay để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.150.400.000	14.164.568.577	94.314.968.577
Tăng vốn trong năm trước			-
Lãi trong năm trước		20.631.744.090	20.631.744.090
Phân phối lợi nhuận		9.618.048.000	9.618.048.000
Số dư đầu năm nay	80.150.400.000	25.178.264.667	105.328.664.667
Tăng vốn trong năm	36.067.570.000		36.067.570.000
Lãi trong năm		26.152.609.705	26.152.609.705
Phân phối lợi nhuận (*)		12.526.015.293	12.526.015.293
Số dư cuối kỳ	116.217.970.000	38.804.859.079	155.022.829.079

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2019

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 12/09/2019 quyết định thay đổi phương án và kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2019, từ việc dự kiến sử dụng 12 tỷ đồng vốn từ đợt phát hành để xây dựng nhà xưởng và kho vào quý III/2019, và 8 tỷ đồng mua máy móc thiết bị vào quý IV/2019 của dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ; điều chỉnh sử dụng 20 tỷ đồng để mua máy móc thiết bị từ quý IV/2019 đến quý III/2020.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Chi tiết các cổ đông	Tỷ lệ %	31/12/2019 (VND)	Tỷ lệ %	01/01/2019 (VND)
Chu Thuyền	15,78%	18.342.500.000	16%	12.650.000.000
Nguyễn Việt Thắng	8,60%	10.000.000.000	10%	8.200.000.000
Nguyễn Huy Hoàng	3,27%	3.795.000.000	4%	3.300.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	72,35%	84.080.470.000	70%	56.000.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>116.217.970.000</b>	<b>100%</b>	<b>80.150.400.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Vốn góp đầu năm	80.150.400.000	80.150.400.000
- Vốn góp tăng trong năm	36.067.570.000	
- Vốn góp cuối năm	116.217.970.000	80.150.400.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.022.450.000	9.618.048.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.621.797	8.015.040
- Cổ phiếu phổ thông	11.621.797	8.015.040
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.621.797	8.015.040
- Cổ phiếu phổ thông	11.621.797	8.015.040
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	503.565.293	-
<b>Cộng</b>	<b>503.565.293</b>	<b>-</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu xuất khẩu	353.649.020.811	264.933.984.154
Doanh thu nội địa	12.480.746.321	21.259.262.857
Cộng	<u>366.129.767.132</u>	<u>286.193.247.011</u>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giảm giá hàng bán	1.126.817.291	654.988.929
Cộng	<u>1.126.817.291</u>	<u>654.988.929</u>

**6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giá vốn xuất khẩu	274.390.753.418	207.054.759.219
Giá vốn nội địa	10.109.601.430	17.757.338.142
Giá vốn khác	21.442.530	
Cộng	<u>284.521.797.378</u>	<u>224.812.097.361</u>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	189.205.746	570.803.459
Lãi chênh lệch tỷ giá	323.504.025	778.589.665
Cộng	<u>512.709.771</u>	<u>1.349.393.124</u>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền vay	5.587.923.129	4.964.207.182
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	387.549.447	186.294.609
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	170.076.459	1.889.756.848
Cộng	<u>6.145.549.035</u>	<u>7.040.258.639</u>

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thu từ thanh lý tài sản	24.238.093	-
Thu từ bán phế liệu	-	27.272.728
Thu từ phí sửa hàng	576.315.075	20.748.262
Các khoản thu nhập khác	413.738.952	498.919.394
Cộng	<u>1.014.292.120</u>	<u>546.940.384</u>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Chi phí sửa hàng	107.489.988	-
Các khoản bị phạt	62.100.000	-
Các khoản chi phí khác	74.466.200	52.568.429
Cộng	<u>244.056.188</u>	<u>52.568.429</u>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	553.343.578	1.408.333.272
Chi phí nhân công	27.992.495.036	19.108.919.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.144.366.920	2.637.588.574
Chi phí khác bằng tiền	3.420.986.249	1.697.143.421
<b>Cộng</b>	<b>35.111.191.783</b>	<b>24.851.984.330</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng:</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.961.237.691	5.733.227.557
Chi phí khác bằng tiền	1.005.577.730	2.391.418.893
<b>Cộng</b>	<b>8.966.815.421</b>	<b>8.124.646.450</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.631.085.920	131.468.445.150
Chi phí nhân công	147.328.921.242	100.573.258.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.299.008.969	13.095.741.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.564.644.989	8.513.351.675
Chi phí bằng tiền khác	5.173.961.575	4.221.823.814
<b>Cộng</b>	<b>306.997.622.695</b>	<b>257.872.620.189</b>

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.540.541.927	22.553.036.381
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	153.177.027	50.402.329
+ <i>Lỗ do đánh giá lại tỷ giá các khoản tiền và phải thu cuối năm</i>	18.993.027	-
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	134.184.000	50.402.329
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	31.693.718.954	22.603.438.710
<b>Trong đó:</b>		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi		
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>		
- Thuế suất thuế TNDN	17%	17%
- Tỷ lệ thuế TNDN được giảm	-	50%
Thuế suất thuế TNDN	5.387.932.222	1.921.292.291
Điều chỉnh khác	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.387.932.222</b>	<b>1.921.292.291</b>

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 17121000095 của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011 Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 và nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 như sau:

Tại mục 4 điều 15, mục 3 điều 16 chương IV của nghị định 124/2008/NĐ-CP thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Tại mục 2 điều 20, chương V của nghị định 128/2013/NĐ-CP nêu rõ, tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015 trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất ưu đãi là 20% quy định tại khoản 3 điều 15 nghị định này kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng thuế suất 17% cho thời gian còn lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.1 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	26.152.609.705	20.631.744.090
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	8.125.161	8.015.040
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.219</b>	<b>2.574</b>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>31/12/2019</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.154.000.839	-	41.154.000.839
Phải thu khách hàng	21.914.146.660	-	21.914.146.660
Phải thu khác	5.908.657.000	-	5.908.657.000
Tài sản tài chính khác	192.825	1.690.000.000	1.690.192.825
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.976.997.324</b>	<b>1.690.000.000</b>	<b>70.666.997.324</b>
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Phải trả người bán	15.518.023.400	-	15.518.023.400
Phải trả khác	1.161.829.692	-	1.161.829.692
Chi phí phải trả	573.943.522	-	573.943.522
Các khoản vay và nợ	123.574.023.844	32.104.735.806	155.678.759.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>140.827.820.458</b>	<b>32.104.735.806</b>	<b>172.932.556.264</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(71.850.823.134)</b>	<b>(30.414.735.806)</b>	<b>(102.265.558.940)</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>01/01/2019</b>			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.464.329.952	-	14.464.329.952
Phải thu khách hàng	23.352.824.169	-	23.352.824.169
Phải thu khác	5.620.448.015	-	5.620.448.015
Tài sản tài chính khác	192.825	1.690.000.000	1.690.192.825
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.437.794.961</b>	<b>1.690.000.000</b>	<b>45.127.794.961</b>
Phải trả người bán	22.592.866.106	-	22.592.866.106
Phải trả khác	1.382.488.817	-	1.382.488.817
Chi phí phải trả	30.537.499	-	30.537.499
Các khoản vay và nợ	106.342.042.218	6.449.323.377	112.791.365.595
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.347.934.640</b>	<b>6.449.323.377</b>	<b>136.797.258.017</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(86.910.139.679)</b>	<b>(4.759.323.377)</b>	<b>(91.669.463.056)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.154.000.839	14.464.329.952	41.154.000.839	14.464.329.952
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.822.803.660	28.973.272.184	27.822.803.660	28.973.272.184
Các khoản ký quỹ	1.690.192.825	1.690.192.825	1.690.192.825	1.690.192.825
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.666.997.324</b>	<b>45.127.794.961</b>	<b>70.666.997.324</b>	<b>45.127.794.961</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	15.518.023.400	22.592.866.106	15.518.023.400	22.592.866.106
Phải trả khác	1.161.829.692	1.382.488.817	1.161.829.692	1.382.488.817
Các khoản vay và nợ	155.678.759.650	112.791.365.595	155.678.759.650	112.791.365.595
<b>Tổng cộng</b>	<b>172.358.612.742</b>	<b>136.766.720.518</b>	<b>155.678.759.650</b>	<b>112.791.365.595</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thuy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Đơn vị tính : VND

**7.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất gia công hàng hóa và sản xuất sản phẩm nguyên chiếc. Báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày như sau:

	Hoạt động gia công	Hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2019</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	162.768.242.270	203.361.524.862	366.129.767.132
Các khoản giảm trừ doanh thu		1.126.817.291	1.126.817.291
Giá vốn hàng bán	117.660.356.263	166.861.441.115	284.521.797.378
Lợi nhuận gộp	<u>45.107.886.007</u>	<u>35.373.266.456</u>	<u>80.481.152.463</u>
Tổng giá trị còn lại của tài sản	(*)	(*)	87.629.247.032
Nợ Phải trả	(*)	(*)	185.807.369.215
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	36.110.504.930
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	20.194.530.652
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

33



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diềm Thuy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động gia công	Hoạt động sản xuất thành phẩm nguyên chiếc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2018</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	100.202.376.883	185.990.870.128	286.193.247.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	654.988.929	654.988.929
Giá vốn hàng bán	83.870.639.163	140.941.458.198	224.812.097.361
Lợi nhuận gộp	<b>16.331.737.720</b>	<b>44.394.423.001</b>	<b>60.726.160.721</b>
Tổng giá trị còn lại của tài sản	(*)	(*)	66.820.785.705
Nợ Phải trả	(*)	(*)	144.850.152.122
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	8.835.056.899
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	17.810.526.334
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuần Pháp, xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**7.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các hoạt động kinh doanh nội địa và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được trình bày như sau:

	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2019</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	12.480.746.321	353.649.020.811	366.129.767.132
Các khoản giảm trừ doanh thu	32.099.805	1.111.259.136	1.143.358.941
Giá vốn hàng bán	10.131.043.933	274.390.753.417	284.521.797.351
Lợi nhuận gộp	<u>2.317.602.583</u>	<u>78.147.008.258</u>	<u>80.464.610.840</u>
Tổng giá trị còn lại của tài sản	(*)	(*)	87.629.247.032
Nợ Phải trả	(*)	(*)	185.261.602.891
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	80.610.719.104
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	20.194.530.652
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT**

Địa chỉ: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thuy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2018</b>			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	21.259.262.857	264.933.984.154	286.193.247.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	654.988.929	654.988.929
Giá vốn hàng bán	17.757.338.142	207.054.759.219	224.812.097.361
Lợi nhuận gộp	<u>3.501.924.715</u>	<u>57.224.236.006</u>	<u>60.726.160.721</u>
Tổng giá trị còn lại của tài sản	(*)	(*)	66.820.785.705
Nợ Phải trả	(*)	(*)	144.850.152.122
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	(*)	(*)	8.835.056.899
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(*)	(*)	17.810.526.334
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-

(\*) Các chỉ tiêu Công ty không theo dõi riêng từng bộ phận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

7.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

7.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

7.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

7.6 Thông tin về các bên liên quan

## a) Các bên liên quan:

Bên liên quan

Ông Chu Thuyền

Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông Đặng Đình Vụ

Ông Phạm Thái Hòa

Ông Dương Ngọc Hải

Ông Phan Mạnh Hà

Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Huy Hoàng

Ông Đỗ Ngọc Tuyền

Bà Hà Thị Thu

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT

Phó Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT

Kế toán trưởng/ Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

## b) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Nguyễn Huy Hoàng	Vay tiền	9.270.000.000
	Trả tiền vay	9.515.000.000

## c) Thu nhập và thù lao của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Họ tên	Chức vụ	Số tiền
Chu Thuyền	Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	777.054.434
Nguyễn Việt Thắng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	580.517.324
Đặng Đình Vụ	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	443.076.463
Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	344.038.973
Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	20.000.000
Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000
Đỗ Ngọc Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát	223.827.584
Hà Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	225.980.612
<b>Cộng</b>		<b>2.644.495.390</b>

## 7.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

## 7.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

## 7.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

Ngô Thị Giang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thái Hòa

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Chu Thuyền